

HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KỲ

QUYỂN 13

Địa thứ sáu là Hiện Tiền Địa, cũng có bảy môn giống như trước.

Thứ nhất: Giải thích tên gọi: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Nhờ vào trí Duyên khởi, có thể khiến cho Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện rõ ở trước mắt, cho nên gọi là Hiện Tiền Địa.”

Thế Thân giải thích: “Nghĩa là trong Địa này trú vào trí Duyên khởi, nhờ vào lực của trí này làm cho trí không còn phân biệt mà được hiện rõ trước mắt, tổ ngộ tất cả các pháp không có nhiễm-không có tịnh.”

Ý giải thích của Vô Tánh và Lương Luận... đều giống như cách nói này. Giải thích rằng: Nhờ vào trí Gia hạnh dẫn dắt trí Căn bản, chứng được pháp giới đối với Chân Như không có nhiễm-tịnh, vì vậy khiến cho hiện rõ trước mắt.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Hiện rõ trước mắt quán sát các hành lưu chuyển, lại tu nhiều tác ý đối với Vô tướng, mới hiện rõ trước mắt gọi là Hiện Tiền Địa.” Giải thích rằng: Điều này có hai nghĩa: 1) Hiện rõ trước mắt quán sát các hành lưu chuyển; 2) Do tác ý nhiều khiến cho quán Vô tướng mới có thể hiện rõ trước mắt.

Luận Trang Nghiêm nói: “Không trú vào sinh tử và niết-bàn, quán Tuệ hiện rõ trước mắt, gọi là Hiện Tiền Địa.”

Luận Thập Trú nói: “Loại trừ ma sự rồi, pháp của đạo Bồ-tát đều hiện rõ ở trước mắt.”

Kinh Nhân Vương gọi là Pháp Hiện, luận Thành Duy Thức giống như Nhiếp Luận, luận Du Già giống như kinh Giải Thâm Mật-Kim Quang Minh... lại không có thuyết khác, luận Thập Địa... như trước đã phân rõ.

Thứ hai: Theo thứ tự, cũng có ba nghĩa: 1) Phần vị trước dựa vào Thanh văn, ở đây trình bày về Duyên giác, dựa vào pháp vượt qua trước, vì vậy cần phải đưa ra; 2) Địa thứ tư tuy là xuất thế gian mà không có

thể tùy theo thế gian, Địa thứ năm có thể tùy theo thế gian mà không có thể phá bỏ kiến chấp về nhiễm-tịnh, Địa thứ sáu này quán sát pháp giới không có nhiễm-tịnh, phá bỏ kiến chấp ấy, vì vậy cho nên đưa ra; 3) Luận Duy Thức nói: “Trong Địa thứ năm trước đây quán về Hữu tướng thì nhiều mà quán về Vô tướng thì ít, trong Địa thứ sáu quán về Vô tướng thì nhiều mà quán về Hữu tướng thì ít, Địa thứ bảy trở đi hoàn toàn quán về Vô tướng, nay Địa thứ sáu này đối với quán Vô tướng lui sụt thì ít mà tiến vào thì nhiều, vì vậy cần phải đưa ra.”

Thứ ba: Chương đã lìa xa: Dựa vào luận Thập Địa thì chương về tập khí phiền não vi tế. Giải thích rằng: Bởi vì trong phần vị này phần nhiều tu về quán Vô tướng, chương ngại trái với điều này, cho nên nói là tập khí vi tế. Lại so với chương ngại của Địa trước mà nói Địa này là vi tế, lý thật tức là một phần Câu sinh trong Sở tri chương chấp vi tế về nhiễm-tịnh, trái với pháp giới không có nhiễm-tịnh ở Địa thứ sáu, cho nên lấy làm chương ngại. Bởi vì Địa thứ năm vượt qua phần vị riêng biệt thuộc nhiễm-tịnh của Địa thứ ba-thứ tư, hợp lại làm cho cùng xứ, mà hai tướng chưa hết, đến Địa thứ sáu này mới trừ bỏ cho nên nói là vi tế.

Luận Duy Thức nói: “Gọi là chương ngại hiện hành với tướng thô, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chương, chấp hiện hành có tướng thô của nhiễm-tịnh, chấp ấy làm chương ngại cho đạo không có nhiễm-tịnh của Địa thứ sáu, lúc tiến vào Địa thứ sáu thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Vì vậy, Địa thứ sáu nói về đoạn bỏ hai ngu và thô nặng ấy: 1) Ngu về hiện tại quán sát hành lưu chuyển, tức là chấp có nhiễm trong này, mà các hành lưu chuyển do phần nhiễm thâm nhiếp; 2) Ngu về hiện hành nhiều tướng, tức là chấp có tịnh trong này, bởi vì giữ lấy tướng tịnh, thực hành nhiều về quán tướng, chưa có thể trải qua thời gian dài trú vào quán Vô tướng.” Giải thích rằng: Ngu trước chấp vào môn lưu chuyển thuộc Khổ-Tập, ngu sau chấp vào môn tịnh tướng thuộc Diệt-Đạo.

Kinh Kim Quang Minh nói: “1) Các hành nối tiếp nhau Vô minh hiển hiện rõ ràng; 2) Các tướng liên tục hiện hành Vô minh còn ở trong tâm.” Giải thích rằng: Từ đây về sau Vô minh còn chưa diệt hết, tướng tịnh thường xuyên hiển rõ nơi tâm, trái với quán Vô tướng trải qua thời gian dài, vì vậy cho là chương ngại.

Lương Luận-kinh Giải Thâm Mật-luận Du Già giống như luận Duy Thức phân rõ.

Thứ tư: Pháp đã chứng: Dựa vào Nhiếp Luận thì chứng pháp giới

không có nhiễm-tịnh.

Thế Thân Giải thích rằng: “Vốn không có tạp nhiễm bởi vì tánh không có nhiễm, đã không có tạp nhiễm tức là không có thanh tịnh.”

Luận Duy Thức nói: “Sáu là Chân Như không có nhiễm-tịnh, nghĩa là tánh vốn có của Chân Như này không có nhiễm, cũng không thể nói là về sau mới tịnh.”

Vô Tánh và luận Trung Biên đều giải thích giống như vậy.

Lại luận Trung Biên nói: “Do thông hiểu rõ ràng về nghĩa này, nhận biết pháp duyên khởi không có nhiễm-không có tịnh.”

Nhiếp Luận nói: “Nhận biết rõ ràng về nghĩa này, tiến vào Địa thứ sáu.”

Thứ năm: Hành riêng biệt: Trong mười Độ là hành Bát-nhã, trong Địa này là Tuệ hành tăng thượng về quán duyên khởi.

Luận Trang Nghiêm nói: “Trú thứ sáu không khởi tâm nhiễm, mà dựa vào duyên khởi thọ sinh.” Tìm theo văn sau.

Thứ sáu: Quả riêng biệt: Lương Luận nói: “Thông đạt pháp giới không có nhiễm-tịnh, đạt được quả tự-tha nối tiếp nhau không có nhiễm-tịnh.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Địa thứ sáu phát tâm đạt được Tam-muội Nhật Viên Quang Diệm, là quả của công hạnh và quả của phần vị thuộc Địa này.” Theo văn có thể biết.

Thứ bảy: Trong giải thích văn có ba phần giống như trước:

Một: Trong phần ca ngợi thừa thỉnh, có mười tám tụng phân năm:

1) Có hai kệ về Bồ-Tát nghe pháp cúng dường ca ngợi. 2) Có hai kệ về chư Thiên hoan hỷ cúng dường. 3) Có hai kệ về quyến thuộc của Thiên Vương cúng dường. 4) Có mười một kệ về Thiên Nữ tấu nhạc ca ngợi công đức của Phật, trong đó: Đầu là hai kệ tổng quát ca ngợi về lợi ích thuyết giảng, tiếp là ba kệ ca ngợi về Đại Trí Chứng Không, tiếp là một kệ ca ngợi về Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh, tiếp là bốn kệ ca ngợi về Lý-Hành vô ngại, tiếp là một kệ về Thiên Nữ lặng yên. 5) Một kệ sau cuối là vị Thượng thủ thừa thỉnh thuyết giảng.

Hai: Trong phần chính thức thuyết giảng, luận giống như Địa trước phân ra làm ba phần, chỉ mất đi phần trước là khác nhau, nghĩa là ở Địa trước thì phương tiện hướng về Địa, và bắt đầu trú vào Địa cùng gọi là đối trị về Mạn hơn hẳn. Trong này bắt đầu trú vào Địa thì thâm nhiếp vào hạnh thù thắng không trú vào đạo, bởi vì dần dần thù thắng, cho nên thứ nhất là đối trị về Mạn hơn hẳn. Bởi vì Địa thứ năm trước đây, quán về tướng của pháp nhiễm-tịnh thuộc bốn Đế, cho nên gọi là

chương ngại giữ lấy nhiễm-tịnh, do đó mười bình đẳng là quán gồm chung tất cả các pháp bình đẳng.

Trong văn có ba: 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là chính thức hiển bày về mười hạnh; 3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về hạnh tiến vào Địa.

Ngay trong phần hai là chính thức hiển bày, mười bình đẳng này phân ra làm ba: Tám loại đầu dùng Vô để phá bỏ Hữu, một loại tiếp dùng Hữu để phá bỏ Vô, một loại sau cuối thì Hữu-Vô phá bỏ cả hai.

Lại một loại đầu là tổng quát, chín loại còn lại là riêng biệt.

Trong phần đầu là tổng quát, nói đến tất cả các pháp, luận nói là mười hai Nhập làm tất cả, bởi vì trong Uẩn không thâm nhiếp về pháp Vô vi, mà Giới-Xứ thâm nhiếp tất cả. Đầu là mười hai Xứ phân rõ tất cả các pháp, bởi vì Căn-Trần-Cảnh-Thức này đều không tách rời ba Vô tánh, cho nên nói là Vô tánh vốn bình đẳng. Luận về kinh gọi là Vô tướng, bởi vì tướng vốn Vô tánh. Vì vậy luận nói mười hai Nhập vốn là tự tánh Vô tướng bình đẳng của tất cả các pháp.

Trong phần sau là chín loại biệt biệt, Luận chủ thiết lập chín loại Tướng đối trị để hiển bày về Vô tướng.

1) Một câu trình bày về tự tướng của mười hai Nhập: Chỉ là do vọng tưởng dấy lên, thật sự không vốn có, cho nên nói là Vô tướng. Luận về kinh gọi là Vô tướng, bởi vì trình bày về Tướng ấy tức là Tướng, cho nên nói là Vô tướng.

2) Ngoại đạo nghi ngờ rằng: Đã thụ động giữ lấy dựa theo Tướng thì có thể nói là Tướng Không, Tướng có thể hiện rõ Tướng thì Tướng phải là có? Luận nói: Niệm lần lượt chuyển theo Tướng của hành, nghĩa là Niệm giống như Tướng. Ý giải thích trình bày Tướng-Niệm này còn dựa vào Tướng vọng lần lượt chuyển theo không có Thể, cho nên nói là Vô sinh bình đẳng. Kinh khác nói: Tướng sinh ra từ tâm cùng với tâm hòa hợp làm Tướng mà có, cùng sinh-cùng diệt giống như không có tồn tại. Chính là nói đến nghĩa này.

3) Nghi ngờ rằng: Đã nói Tướng và Tướng lần lượt chuyển theo dựa vào nhau, vậy thì kiến lập các pháp sinh khởi thành tựu lẽ nào là Không hay sao? Giải thích trình bày về Tướng dựa vào Tướng cho nên thụ động giữ lấy không thành tựu, Tướng trở lại dựa vào Tướng thì chủ động giữ lấy không tồn tại; dựa vào nhau đều hủy hoại, cho nên nói là bình đẳng không có thành tựu. Trên đây là phá chấp đối với mê mờ Khổ đế.

4) Nghi ngờ rằng: Khổ là thụ động sinh ra thì có thể nói là Không,

Tập để chủ động sinh ra lẽ nào không phải là có? Luận nói: Bởi vì Tướng nhiễm. Giải thích trình bày về Hoặc nghiệp vốn vắng lặng, tự tánh lìa xa cho nên nói là bình đẳng. Văn này thuộc về câu thứ tám, dựa theo luận phải thuộc về nơi này, cho nên ở đây phân rõ mà thôi.

5) Nghi ngờ rằng: Khổ-Tập là pháp nhiễm thì có thể nói là Không, Diệt-Đạo là pháp tịnh lẽ nào không phải là có? Luận nói: Bởi vì Tướng tịnh. Giải thích trình bày về pháp nhiễm đã Không thì không có nhiễm nào đáng để vượt qua, không thể nào nói đến tịnh, cho nên nói là xưa nay thanh tịnh. Trên đây là loại bỏ về Tướng.

6) Nghi ngờ rằng: Nếu nhiễm-tịnh đều Không thì không cần khởi lên các loại ngôn thuyết, đã có danh ngôn thì biết rõ là có nghĩa đã nêu ra? Luận nói: Phân biệt về Tướng là danh ngôn phân biệt. Giải thích rằng: Nhưng tên gọi dựa vào nghĩa mà thiết lập, nghĩa nhờ vào tên gọi mà hiện rõ, quán sát về nhân của nghĩa ấy không thấy quả của tên gọi, lại quán sát về quả của tên gọi không thấy nhân của nghĩa, vì vậy thế gian có lúc được tên gọi mà không được nghĩa, có lúc được nghĩa mà không được tên gọi, cho nên biết tìm theo tên gọi giữ lấy nghĩa, chỉ là vọng tưởng hý luận, cho nên nói là bình đẳng không có hý luận.

7) Nghi ngờ rằng: Nếu nhiễm-tịnh, tên gọi-ý nghĩa, tất cả đều Không, thì vì sao Bồ-Tát rời bỏ nhiễm-mong cầu tịnh; đã có lấy-bỏ, lẽ nào không có các pháp hay sao? Lại nói: Pháp vọng đã Không, thì nghiệm đúng chân lý là có thể chứng được? Luận nói: Tướng ẩn hiện, pháp tịnh có thể giữ lấy gọi là hiện, pháp nhiễm có thể rời bỏ gọi là ẩn. Giải thích trình bày về pháp vọng tức là Không thì không có thể rời bỏ, chân lý lìa xa niệm thì không có thể giữ lấy được, cho nên nói là vốn bình đẳng không có lấy bỏ. Nhiếp Luận nói: “Nếu đối với sinh tử thì không phải rời bỏ-không phải không rời bỏ, nếu đối với Niết-bàn thì không phải đạt được-không phải không đạt được.” Lại kinh Duy Ma nói: “Nếu thông hiểu về tánh sinh tử tức là Niết-bàn, thì ở trong đó không giữ lấy-không rời bỏ, chính là tiến vào pháp môn Bất nhị.” Chính là nghĩa này.

8) Nghi ngờ rằng: Trên đây khởi lên thấy có Chân-Vọng, vì vậy lấy không có để phá trừ, nếu như vậy thì đoạn trừ không có hai Đế phải là Chánh lý? Luận nói: Ngã không phải là Tướng có.

Hỏi: Ngã này không phải là có, lẽ nào không phải Chánh lý hay sao, vì sao cho là Tướng đã đối trị?

Đáp: Bởi vì giữ lấy Tướng không phải là có của Ngã này, giống như đoạn diệt không có, vốn là sai lầm. Giải thích: Bởi vì duyên khởi

như huyễn không ngăn ngại tồn tại, không giống như đoạn diệt, cho nên nói là vốn bình đẳng bởi vì đều là huyễn.

9) Nghi ngờ rằng: Trước tôi chọn lấy có thì phá bỏ cho là không có, sau tôi chọn lấy không có thì lại nói là huyễn có, vì vậy nay tôi chọn lấy cũng có-cũng không có, thuận theo lý của Chánh đạo chăng? Luận nói: Tướng thành-hoại, thành là Tướng có, hoại là Tướng không có. Giải thích có hai cách: 1) Trước tôi phá bỏ ông gọi là có cho nên tôi nói không có, không phải cho rằng Thể của pháp thật là không có; phá bỏ ông chấp là không có cho nên nói có, không phải cho rằng Thể của pháp giống như tình có; vì vậy Chánh lý không phải là có và không có, cho nên nói là có-không có vốn bình đẳng không hai. 2) Trước tôi nói không có, là không khác với không có của có, cho nên không phải là không có. Lại trước tôi nói có, là không khác với có của không có, cho nên không phải là có. Vì vậy lia xa không có thì không có riêng cái có để có thể cùng với không có làm thành hai, lia xa có thì không có riêng cái không có để có thể cùng với có làm thành hai, cho nên nói là có-không có vốn bình đẳng không hai. Trong này, không phải là có và không có loại bỏ lẫn nhau gọi là không hai, cũng không phải là có và không có hợp lại gọi là không hai, cũng không phải là toàn bộ không có-có và không có gọi là không hai; chỉ là có tức là không có, không có tức là có, cho nên gọi là không hai. Suy nghĩ có thể thấy.

Trong phần ba là kết luận về hạnh tiến vào Địa: Một: Tổng quát kết luận tiến vào phần vị; Hai: Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là riêng biệt kết luận.

Trong riêng biệt kết luận: Quán như vậy... là nhắc lại pháp quán như mười bình đẳng... đã quán trước đây.

Nói có thể Nhẫn, là Nhẫn thọ Chánh lý vốn xa rời cấu nhiễm chướng ngại; lại Nhẫn chứng lý sâu xa không có Tướng phân biệt, cho nên gọi là Nhẫn. Tùy thuận, nghĩa là Trí của quán này vốn tùy thuận pháp Chân Như bình đẳng. Rõ ràng sắc bén, là bởi vì có thể đối trị với Mạn vi tế. Địa thứ tư-thứ năm trước đây cũng cùng đạt được thuận theo Nhẫn, trừ bỏ chướng ngại chưa vi tế không gọi là rõ ràng sắc bén. Bởi vì Địa thứ tư đã trừ bỏ chướng do Mạn hiểu biết về pháp vốn là thô thiển nhất, đạt được phẩm Noãn thuận theo Nhẫn, mà Noãn hãy còn ở phẩm Hạ; Địa thứ năm trừ bỏ Mạn về thân thanh tịnh, vốn là phẩm Trung cho nên đạt được Nhẫn thuộc phẩm Trung; Địa này chọn lấy Mạn phân biệt về pháp nhiễm-tịnh vốn là vi tế nhất mà đạt được Nhẫn thuộc phẩm Thượng, cho nên gọi là rõ ràng sắc bén. Phẩm Hạ có thể đối trị về pháp

do phẩm Thượng đã đối trị, cho đến phẩm Thượng có thể đối trị về pháp do phẩm Hạ đã đối trị, chướng ngại đối trị thay đổi nhau vốn là lý chắc chắn như vậy.

Nói Vô sinh nhẫn chưa hiện rõ trước mắt, là bởi vì Địa thứ bảy-thứ tám trở lên là phần vị Vô sinh nhẫn, Địa này không phải phần vị ấy cho nên nói là chưa hiện rõ, nhưng thuận theo Nhẫn ấy cho nên gọi là Thuận. Lý thật thì Địa thứ nhất cũng đạt được Vô sinh, nhưng bởi vì dựa vào Nhẫn của Địa thứ năm mà phối hợp với các Địa, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là Địa tiền gọi là Phục Nhẫn, Địa thứ nhất-thứ hai-thứ ba dựa vào thế gian gọi là Tín Nhẫn, Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu dựa vào phần vị Nhị thừa gọi là Thuận Nhẫn, Địa thứ bảy-thứ tám-thứ chín là phần vị Bồ-tát gọi là Vô Sinh Nhẫn, Địa thứ mười và Phật địa thì nhân quả cứu cánh gọi là Tịch Diệt Nhẫn. Địa này là phẩm Thượng trong Thuận Nhẫn, cho nên gọi là rõ ràng sắc bén. Phần đối trị về Mạn hơn hẳn, xong.

Thứ hai từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về hạnh thù thắng không trú vào đạo, trong đó có hai: 1) Ngay nơi bắt đầu trú vào Địa để trình bày về hạnh không trú vào; 2) Từ “Tác thị niệm...” trở xuống là ngay nơi chính thức trú vào Địa để trình bày về không trú vào. Địa trước yếu kém cho nên chỉ có chính thức trú vào Địa mới gọi là không trú vào, Địa này thù thắng cho nên bắt đầu trú vào Địa đã trình bày về không trú vào.

Ngay trong phần một là bắt đầu trú vào, có hai: Một: Quán tất cả... là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; Hai: Đại Bi... là ngay lúc đó không trú vào. Luận về kinh có bốn câu, ba câu trước trình bày về tâm có năng lực quán sát, một câu sau là sinh diệt đã quán sát. Kinh này tóm lược không có Đại Bi đầy đủ. Nhưng ba tâm này giải thích đưa ra sáu lớp:

Một là phân rõ về tướng: a) Tâm thương xót bắt đầu dấy khởi cho nên nói là Bi đứng đầu; trong luận bởi vì Đại Bi thù thắng, cho nên thấu nhiếp chúng sinh ba đời. b) Cầu quả thương xót vô cùng gọi là tăng trưởng, lại tiến lên cầu Phật quả gọi là tăng trưởng; trong luận bởi vì đối với duyên khởi đã nhận biết khiến cho trí thanh tịnh, tức là trí thanh tịnh này làm căn bản của Phật quả. c) Tâm chán ngán lìa xa hữu vi; trong luận quán sát về nhân duyên vi tế của tất cả chủng tử mà sinh ra chán ngán lìa xa, duyên quán sát hết sức vi tế cho nên nói là đầy đủ.

Hai là trình bày theo thứ tự: Nương theo quán sát về Không trước đây, liền nghĩ đến chúng sinh do hư vọng mà bị ràng buộc. Trước hết

dấy khởi tâm Bi, bởi vì Bi niệm cho nên cầu trí của Phật quả, để làm lợi ích cho chúng sinh. Tiếp đến dấy khởi tăng trưởng về Phật trí, chắc chắn nhờ vào lìa xa lỗi lầm mà thành tựu. Vì thế cho nên cuối cùng khởi lên quán sát về lỗi lầm tai họa của duyên sinh đến cùng cực.

Ba là dựa theo hai Lợi: Một tâm đầu là Lợi tha, hai tâm sau là Tự lợi.

Bốn là dựa theo hai hạnh bảo vệ: Hai tâm trước là hạnh bảo vệ Tiểu thừa, một là bảo vệ tâm hẹp hòi, hai là bảo vệ tâm nhỏ bé. Một tâm sau là hạnh bảo vệ phiền não.

Năm là dựa theo nhân quả: Tâm đầu và tâm sau là thâm nhiếp về nhân, một tâm giữa là mong cầu về quả.

Sáu là dựa theo không trú vào: Một tâm đầu là không trú vào Niết-bàn, một tâm sau là không trú vào sinh tử, một tâm giữa là không trú vào cả hai.

Ngay trong sinh diệt đã quán sát, mười hai duyên sinh thuận với sinh-ngược với diệt, cho nên nói là quán sát thế gian sinh diệt. Đây là quán sát tổng quát. Sau dùng mười môn quán sát riêng biệt về pháp ấy, có thể biết.

Trong phần hai là chính thức trú vào Địa, mở rộng hiển bày về nghĩa của duyên khởi tóm lược đưa ra bốn môn: Một là tổng quát trình bày về duyên khởi của pháp giới; Hai là riêng biệt phân rõ về mười hai chi Hữu; Ba là phân tích về phạm vi giới hạn; bốn là chính thức giải thích về văn này.

Một là duyên khởi của pháp giới, tóm lược có ba nghĩa: 1) Dựa theo duyên khởi của pháp nhiễm; 2) Dựa theo pháp tịnh; 3) Nhiễm và tịnh hợp lại để nói.

Trong nghĩa một có bốn môn: a) Duyên tập nhất tâm môn; b) Nhiếp bốn từng mặt môn; c) Nhiếp mặt từng bốn môn; d) Bốn mặt y trì môn. Đều như riêng biệt giải thích.

Trong nghĩa hai là duyên khởi của pháp tịnh, cũng có bốn môn: a) Bốn hữu; b) Tu sinh; c) Bốn hữu tu sinh; d) Tu sinh bốn hữu. Nói như phần Tánh Khởi ở sau.

Trong nghĩa ba là nhiễm và tịnh hợp lại để nói, cũng có bốn môn: a) Phiền nhiễm hiện tịnh môn; b) Dĩ tịnh ứng nhiễm môn; c) Hội nhiễm tức tịnh môn; d) Nhiễm tận tịnh mãn môn. Cũng như riêng biệt giải thích.

Hai là riêng biệt trình bày về mười hai chi Hữu, đầy đủ như chương riêng biệt.

Ba là phân tích về phạm vi giới hạn, đưa ra ba môn: 1) Dựa vào kinh này; 2) Dựa theo luận giải thích; 3) Kinh luận so sánh thâm nhiếp.

Trong môn một, trong kinh này có hai lớp: Trước là riêng biệt trình bày về mười quán, sau là hiển bày tên gọi trở lại kết luận. Thế nào là mười quán? 1) Nhân duyên phân biệt theo thứ tự; 2) Do một tâm thâm nhiếp; 3) Tự nghiệp giúp đỡ mà thành; 4) Không rời xa nhau; 5) Ba đường không đoạn dứt; 6) Quán sát thời gian trước sau; 7) Ba khổ tích tập; 8) Nhân duyên dấy khởi; 9) Sinh diệt ràng buộc; 10) Quán sát tùy thuận hoàn toàn không có gì. Trong đó tất cả đều có Thuận quán-Nghịch quán, cho nên có hai mươi môn. Nghĩa là quán thuận là Đại Bi không trú vào Niết-bàn, quán nghịch là Đại Trí không trú vào sinh tử cho nên gọi là không trú vào đạo. Trong Địa thứ năm trước đây quán về bốn Đế nhiệm-tịnh, để trình bày không trú vào; Địa này vốn là thù thắng, vì vậy chỉ khởi lên quán thuận-nghịch đối với pháp nhiệm để trình bày không trú vào.

Trong môn hai là luận giải thích phân biệt, Luận chủ gồm chung mười loại duyên sinh này đưa ra ba môn phân biệt: Một: Ngay trong tâm chán ngán lìa xa hữu vi giải thích về mười loại này, đây tức là quán Đại Bi đầy đủ ở trước. Hai: Ngay trong tâm nghĩ sâu xa đến chúng sinh giải thích về mười loại này, gọi là quán Đại Bi tùy thuận, đây tức là Đại Bi làm đầu ở trước. Ba: Dựa theo trong tâm cầu Phật giải thích về mười loại này, gọi là quán về Trí phân biệt tất cả các tướng, đây tức là Đại Bi tăng thượng ở trước. Ba loại này cùng với ba loại trước theo thứ tự không giống nhau, trước là dựa theo thứ tự sinh ra tâm, nay là dựa theo thứ tự của Chánh hạnh, nghĩa là trước tự mình lìa xa lỗi lầm, tiếp là nghĩ đến chúng sinh, sau là mong cầu Đại quả, cùng với trước khác nhau. Trong ba môn này đều quán về mười loại tức là có ba mươi môn. Lại đều có thuận-nghịch cho nên có sáu mươi môn phân biệt về quán duyên khởi.

Trong môn ba là kinh luận so sánh thâm nhiếp, có hai môn: Một: Đối lập với nhau; Hai: Thâm nhiếp lẫn nhau.

Một: Đối lập với nhau, trước đây Luận chủ chỉ chọn lấy ba tâm ở phần bắt đầu trú vào Địa trong kinh, phân biệt về mười môn duyên khởi, tất cả đều đầy đủ thuận-nghịch làm thành sáu mươi môn. Nay tìm theo trong phần của quả ấy ở văn sau, lại dùng ba Giải thoát môn để quán về nhân duyên Tập, thì nghiệm xét gồm chung với trước thành ra một trăm tám mươi môn phân biệt về quán duyên sinh. Lại giải thích: Sở dĩ Luận chủ không dựa vào thứ tự mười môn trong kinh để giải thích,

chính là thay đổi xu thế đưa ra ba môn ấy giải thích riêng biệt, là ý thừa nhận mười môn trong kinh tự giải thích về nghĩa của mười hai duyên sinh, đã hiển bày rõ ràng cho nên không cần phải giải thích. Ba tâm bất đầu trú vào trái qua mười môn này, nghĩa ẩn kín khó biết, cần phải giải thích mới rõ ràng, cho nên phân biệt đưa ra ba môn này để giải thích. Vì vậy nên biết, kinh luận kết hợp nêu ra, tổng quát làm bốn lớp giải thích về duyên sinh này. Mỗi một lớp đều có mười, tức là trở thành bốn mươi môn. Tất cả đều có nghịch-thuận, tức là trở thành tám mươi môn. Dùng ba Không để quán sát, tổng cộng trở thành hai trăm bốn mươi môn, phân biệt về pháp duyên sinh. Cần phải nhận biết về ý này.

Hai: Thân nhiếp lẫn nhau, luận ở trong môn thứ nhất tách ra làm ba đoạn: 1) Gọi là Thành giải đáp về tướng sai biệt, đây là thuộc về quán Nhân duyên phân biệt theo thứ tự, quán thứ nhất trong kinh. 2) Gọi là Đệ-nhất-nghĩa-đế sai biệt, đây là thuộc về quán nửa môn trong Do một tâm thân nhiếp, quán thứ hai trong kinh. 3) Gọi là Thế đế sai biệt, đây là thuộc về nửa môn sau của quán thứ tám trong kinh. Ở trong ba đoạn này, một đoạn đầu là rõ ràng Vọng Ngã không phải là có, hai đoạn sau là rõ ràng Chân-Tục không phải là không có, bởi vì nghĩa lý hoàn toàn đầy đủ.

Trong môn thứ hai là quán Đại Bi tùy thuận, phân mười làm bốn: 1) Gọi là quán chúng sinh ngu si điên đảo, thuộc về môn thứ nhất trong mười môn. 2) Gọi là cầu giải thoát ở nơi khác, thuộc về môn thứ hai. 3) Gọi là cầu giải thoát ở đạo khác, thuộc về bốn môn tiếp theo. 4) Gọi là cầu giải thoát khác nhau, thuộc về bốn môn sau.

Trong môn thứ ba là quán về Trí phân biệt tất cả các tướng, phân 10 làm chín: 1) Gọi là quán phân biệt về nhiễm-tịnh, thuộc về nửa môn thứ nhất. 2) Gọi là quán về nương tựa, thuộc về nửa môn sau trong môn thứ nhất và môn thứ hai. 3) Gọi là quán về phương tiện, thuộc về môn thứ ba. 4) Gọi là quán về tướng của nhân duyên, thuộc về môn thứ tư. 5) Quán về tiến vào Đế, thuộc về môn thứ năm. 6) Quán về Lực-Vô lực tin tưởng tiến vào nương tựa, thuộc về môn thứ sáu. 7) Quán về tăng thượng mạn-không phải tăng thượng mạn tin tưởng tiến vào, thuộc về môn thứ bảy. 8) Quán về không có bắt đầu, thuộc về hai môn thứ tám-thứ chín. 9) Quán về đủ loại, thuộc về môn thứ mười. Giải thích về tướng đều dựa theo suy nghĩ, có thể biết.

Bốn là giải thích văn: Giải thích về mười môn này tức là mười đoạn, trong mỗi một môn đều đưa ra bốn môn để giải thích: 1) Dựa vào kinh riêng biệt giải thích. 2) Dựa vào luận, đầu là giải thích dựa theo

chán ngán lìa xa hữu vi. 3) Dựa theo Đại Bi tùy thuận để giải thích. 4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng để giải thích. Bốn lớp như vậy dựa vào kinh và luận thâm nhiếp mới hết.

Ngay trong Môn thứ nhất: Nhân duyên phân biệt theo thứ tự, trong bốn môn: 1) Dựa theo văn kinh, gọi là quán Nhân duyên phân biệt theo thứ tự, trong này ngay lúc đó quán về Vô ngã thuộc chi Hữu.

Trong đó có hai: Một là trình bày chấp trước điên đảo về Hữu ngã vọng khởi lên duyên phân biệt; Hai từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống trình bày mê mờ về lý của các Đế mà khởi lên duyên theo thứ tự.

Trong phần một có ba: a) Phân rõ xác định về Vô ngã; b) Mê mờ mà trở thành duyên khởi; c) Kết luận dựa vào hành của phần vi.

Trong phần a có hai câu: Câu một nói thế gian thọ thân do đắm vào Ngã, trái lại nêu ra mê hoặc về tình, trình bày về Ngã là trái lý, nếu lý có Ngã thì đắm vào Ngã là thuận với lý, sẽ được xuất thế, đã sinh ở thế gian, thì rõ ràng Ngã là trái lý. Câu hai nói nếu lìa xa đắm vào Ngã thì không có sinh, thuận theo nêu ra tâm hiểu biết, trình bày về lý Vô ngã, nếu lý có Ngã thì lìa xa Ngã là trái với lý, phải sinh ở thế gian, đã được xuất thế, thì rõ ràng là lý Vô ngã.

Phần b từ “Nhất thiết phàm phu...” trở xuống là trình bày về mê mờ Vô ngã này khởi lên chi Hữu ấy. Trong đó, trước quán thuận theo duyên khởi, sau quán ngược với Vô ngã.

Trong phần trước, tùy theo tà niệm... là trong kinh khác nói tư duy bất chính làm nhân của Vô minh. Ngu si đắm vào Ngã, chính là chi Vô minh thứ nhất.

Thứ hai là Tập khởi... trình bày về chi Hành, do Vô minh ấy mê mờ nhân quả thế gian tạo ra tội lỗi của Hành, mê mờ nhân quả xuất thế tạo ra phước và bất động, nghĩa là cảm đến nghiệp của ba nẻo ác, và nghiệp khổ của báo riêng biệt ở trời người, đều là tội lỗi của Hành. Cảm đến nghiệp trời-người cõi Dục gọi là phước hành, cảm đến nghiệp cõi Sắc-Vô sắc gọi là bất động hành.

Thứ ba từ “Dĩ thị hành...” trở xuống là trình bày về chi Thức. Nhưng chi Thức ở luận khác nói có hai nghĩa: Một là thụ động dẫn dắt, nghĩa là chủng tử của Thức dị thực trong Thức vốn có, đây là chọn lấy chủng tử. Hai là chủ động dẫn dắt, nghĩa là do chủng tử của năm quả đã dựa vào Thức vốn có gọi là chi Thức, đây là hiện hành của Thức thứ tám.

Nay trong văn này dựa theo nghĩa sau mà nói, bởi vì chi Hành này là chủ động dẫn dắt, dẫn dắt khởi lên chủng tử của năm quả trong Thức, khiến cho chín muồi đưa đến Hữu, cho nên nói là bởi vì Hành này mà

khởi lên chủng tử của tâm hữu lậu. Đây là một cặp về chủ động dẫn dắt-thụ động dẫn dắt. Nói tâm Hữu lưu-Hữu thủ cho nên khởi lên sinh tử, là bởi vì Ái-Thủ-Hữu cho nên sinh ra Sinh-Lão tử. Đây là một cặp về chủ động sinh ra-thụ động sinh ra. Bởi vì năm quả là tên gọi nói về chủng tử gồm chung phần vị Vô lậu, nay do Hành đã dẫn dắt rõ ràng không phải là Vô lưu, cho nên nói là Hữu lưu. Trong này không có chữ Ái là tóm lược.

Thứ tư từ “Sở vị...” trở xuống là phân rõ về Thức sinh ra Danh sắc... nhưng có sáu duyên, như gieo hạt ở thế gian: 1) Nghiệp làm đất, là hướng về báo đã sinh làm Tăng thượng duyên, vốn như đất. 2) Thức làm hạt giống, là chủng tử của năm quả làm nhân gần gũi cho nó, vốn như chủng tử, nhưng vì chủng tử chủ động dựa vào không tách rời Thức đã dựa vào, cho nên nói là Thức như chủng tử. Đây tức là nêu ra thụ động dựa vào bao gồm chọn lấy chủ động dựa vào. 3) Vô minh che phủ, là lúc thọ sinh Vô minh không phân biệt cha mẹ... như ở thế gian gieo hạt, ở dưới tuy có đất, ở giữa có hạt giống, mà ở trên cần phải có đất che phủ. 4) Nước ái tưới thấm, là đối với cha mẹ khởi tâm nhiễm ái như nhau, tưới thấm cho sự thọ sinh ấy, như tuy đất có che phủ mà cần phải có tưới thấm. 5) Ngã tâm tưới ướt, là chấp có thân của mình, có thể có những tạo tác, như tuy tưới thấm mà cần phải có người tưới ướt. 6) Các loại kiến chấp, là bởi vì mạng lưới kiến chấp khác nhau che phủ khiến cho pháp vô lậu không có thể có được đất sinh trưởng, như ở thế gian gieo hạt cần phải có lưới giăng bảo vệ không để cho chim chóc làm hư hại. Nói sinh ra mầm Danh sắc, là trình bày về quả đã sinh, nghĩa là lúc Thức tiến vào thai, chủng tử của năm quả vì nghiệp Vô minh dẫn dắt phát khởi Ái-Thủ tưới thấm mà cùng chín muồi sinh ra quả, nhưng rõ ràng là có trước-sau, đều trước là dẫn dắt-sau là phát khởi, cho nên nói là nhờ vào Danh sắc mà sinh ra các căn... chứ không nói Danh sắc là nhân gần gũi của các căn. Còn lại cũng như vậy, có thể biết.

Trong phần sau từ “Thị thập nhị...” trở xuống là trình bày về quán ngược với Vô ngã. Phần c từ “Bồ-tát...” trở xuống là kết luận dựa vào hành của phần vị, có thể biết.

Phần hai từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống trình bày mê mờ về lý của các Đế mà khởi lên duyên theo thứ tự, trong đó cũng có hai: Đầu là thuận, sau là nghịch.

Trong phần đầu, không nhận biết như thật về Đệ-nhất-nghĩa, điều này có hai nghĩa: 1) Tổng quát nêu ra Đệ-nhất-nghĩa-đế, là chỗ dựa căn bản của mười hai chi Hữu, trình bày về dựa vào Chân khởi Vọng

rõ ràng chi Hữu không có Thể. Bởi vì Vô minh là đầu tiên, cho nên trước là trình bày về dựa vào mà khởi lên, những Chi còn lại tương tự. Ở đây đều dựa vào Chân mà khởi lên. 2) Riêng biệt hiển bày đây là do Vô minh làm cho mê mờ, nghĩa là Vô minh này do mê mờ hai Đế mà tạo ra ba Hành, vì vậy luận về kinh gọi là Đệ-nhất-nghĩa của các Đế. Đoạn trước trình bày về ba Hành đã tạo ra, trong này rõ ràng do mê mờ hai Đế, vẫn làm sáng tỏ lẫn nhau mà thôi. Bởi vì đều là lực của Tăng thượng duyên, dẫn dắt trước phát khởi sau, khiến cho nối tiếp nhau mà thành lập. Có bốn Thủ ấn, nhưng chi Thức có hai nghĩa. 1) Nếu A-lại-da làm chi Thức, thì Thức còn lại thuộc về chi Danh trong chi Danh sắc thân nhiếp. 2) Nếu gồm chung Thức thứ sáu cũng đưa vào chi Thức, thì Sắc-Thọ-Tưởng-Hành, bốn Ấn này là chi Danh sắc. Nay dựa theo nghĩa sau cho nên đưa ra cách nói này. Vẫn còn lại có thể thấy.

Trong phần sau là quán nghịch, Vô tác là Nhân Không, Vô tác sự là Pháp Không. Phần dựa vào kinh giải thích, xong.

Trong môn hai dựa vào luận, giải thích dựa theo tướng của Đế phân biệt, trong ba đoạn: Môn thứ nhất gọi là Thành giải đáp về tướng sai biệt, trong đó môn riêng biệt có bốn, thuận theo nhau làm ba, cần phải thân nhiếp làm hai, tổng quát làm một.

Một: Riêng biệt có bốn: a) Nêu ra trừ bỏ Hoặc ấy hiển bày về môn thành tựu Vô ngã; b) Luận về kinh từ “Ngu si...” trở xuống, kinh này từ “Nhất thiết phạm phu...” trở xuống trình bày về môn vạn hữu Tình thấy rõ Lý; c) Dựa vào luận về kinh từ “Vô trí...” trở xuống, dựa vào kinh này từ “Si mang...” trở xuống gọi là môn phân rõ Tướng thấy được Thật; d) Từ “Bất tri Đệ-nhất-nghĩa...” trở xuống trình bày về môn dựa vào Thật phân rõ Tướng.

Hai: Thuận theo nhau có ba: Trong bốn môn, một môn đầu gọi là Thành, nghĩa là giải thích về thành tựu Vô ngã; hai môn tiếp theo gọi là Đáp, giải đáp thấy rõ Vô ngã; một môn sau gọi là Tướng, nghĩa là dựa vào lý của các Đế thiết lập về tướng Duyên sinh.

Ba: Cần phải thân nhiếp làm hai: Ba môn trước vốn là tông chỉ làm rõ về Vô ngã, một môn đầu nêu ra để giải thích, hai môn sau là tông chỉ làm rõ về duyên sinh, vốn là dựa vào Chân dấy khởi Tướng, riêng biệt nêu ra-riêng biệt giải thích.

Bốn: Tổng quát làm một, nghĩa là Thành giải đáp về tướng sai biệt thứ nhất.

Luận nói tất cả sinh tử trong năm nẻo... là giải thích về tất cả nơi sinh... của thế gian. Sau tách ra ba môn.

Ngay trong môn đầu giải thích về Thành có bốn câu:

1) Tổng quát giải thích về thành tựu Vô ngã.

2) Từ “Nhất thiết thế gian...” trở xuống là nhắc lại nêu ra kinh, tức là thành tựu nghĩa về Vô ngã, nhưng dựa vào kinh thì chính là thấy rõ nghĩa về thành tựu Vô ngã.

3) Từ “Nhược Đệ-nhất-nghĩa...” trở xuống là ngay nơi Sự thấy rõ nghĩa về thành tựu Vô ngã, có hai câu: a) Nếu thật có Ngã thì sai lầm về không trở thành phạm phu; b) Nếu Ngã thật có thì sai lầm về không trở thành Thánh nhân. Vì sao như vậy? Bởi vì nếu trong Đệ-nhất-nghĩa thật có Ngã, thì đó là xác định về Ngã đã giữ lấy; tâm đắm vào Ngã tức là trí Đệ-nhất-nghĩa, là phân rõ xác định về Ngã có thể giữ lấy. Không thuận theo thế gian sinh là chính thức đưa ra sai lầm, nghĩa là nếu trong Đệ-nhất-nghĩa thật có tướng Ngã thì phạm phu lẽ ra đều là Thánh, đây là thiết lập tông chỉ. Bởi vì có trí có thể chứng được Thật Ngã trong Đệ-nhất-nghĩa, đây là đưa ra nhân. Như các Thánh giả là dụ về cùng pháp, đây là sai lầm về phạm phu giống như Thánh trí. Thuận theo không có phạm phu thì lý đã như vậy, biết rõ ràng là Vô ngã, và Thánh thuận theo giống như tông chỉ phạm phu, dựa vào đó nói bởi vì lý thật có Ngã nhưng Thánh chứng là không có, mê hoặc điên đảo trái với lý cho nên không hợp với Thánh trí. Như các phạm phu thì phải sinh ở thế gian giống như dụ, đây là sai lầm về Thánh giống như phạm phu điên đảo. Thuận theo không có Thánh nhân, lý đã không như vậy, biết rõ ràng là không có Ngã, vậy thì sai lầm về Thánh không còn. Dựa theo trước thì văn này thiếu một câu, phải nói là tâm lìa xa-đắm theo Ngã thì thích hợp không phải là trí Đệ-nhất-nghĩa, Vô ngã đã không phải là Đệ-nhất-nghĩa-đế, thì tâm lìa xa Ngã lẽ nào có thể gọi là trí Đệ-nhất-nghĩa? Nói thuận theo thường sinh ở thế gian, là dùng lý chính thức nêu ra, nếu tâm lìa xa Ngã thì không phải là trí thuộc Thắng nghĩa, thuận theo không chứng Niết-bàn, cho nên thường sinh ở thế gian. Trong câu trước, phạm phu đã có trí Đệ-nhất-nghĩa thuộc về Đạo đế thâm nhiếp, thuận theo đạt được Niết-bàn, không còn ở thế gian. Văn này rõ ràng đối với chân lý Vô ngã, giống như trước có thể thấy.

4) Từ “Hiện thị...” trở xuống là nêu ra kinh so sánh rõ ràng có thể biết.

Trong môn hai là giải thích về Đáp, nghĩa là chất vấn ở ngoài văn, cho nên nói là giải đáp. Có hai chất vấn-hai giải đáp:

1) Chấp Tình nêu ra Lý chất vấn, trái với tình giải đáp theo Chánh lý. Chất vấn rằng nếu lý thật không có Ngã, thì lẽ ra đắm theo Vô ngã,

vì sao đấm theo Ngã? Đã đấm theo Ngã chứ không đấm theo Vô ngã, thì biết rõ ràng có Ngã như hư không mà không có người, lẽ nào có chấp về người? Lập lượng có thể biết. Giải đáp bởi vì ngu si làm cho mù lòa, ở nơi không có Ngã mà chấp làm Ngã, như mắt có bệnh thấy hoa giữa hư không, lẽ nào có thể có hoa này giữa hư không hay sao? Tỷ lượng có thể biết.

2) Từ “Như thị thật vô hữu ngã...” trở xuống là chấp Tướng nêu ra Thật để chất vấn, giải đáp Tướng không dựa vào Ngã. Chất vấn rằng nếu là có Ngã thì có thể khiến cho Vô minh duyên với Hành theo thứ tự, đã nói không có Ngã mà chỉ là theo thứ tự cho đến Lão tử? Từ “Thử thị hiện...” trở xuống là nêu ra kinh chính thức giải đáp, do ngu si mà tạo nghiệp, nghiệp của Hành khởi lên Thức cho đến Lão tử, như gieo hạt ở thế gian sinh ra lẫn nhau theo thứ tự, đâu cần đến Ngã? Ý giải đáp như vậy. Trong đó mong về Thường là có, cầu về Đoạn là không có, mong cầu là Ái, không có trí là Si, phiền não vô lượng, vì sao chỉ nêu ra hai loại này? Bởi vì chính là căn bản của chi Hữu.

Tiếp trong phần giải thích về Hành có ba câu: 1) Giải thích về tà niệm; 2) Tà đạo; 3) Vọng hành.

Bởi vì hạnh của Bồ-tát là có mà không vọng hành, cho nên tiếp đến giải thích về chi Thức... Trước là cùng nêu ra văn kinh, từ “Thị trung...” trở xuống là giải thích theo A-lại-da dị thực chính là Thể của báo, cho nên nói là nêu ra Thể của Sinh-Lão tử. Lại giải thích: Thức chủng tử làm nhân của Thức, cho nên nói là Thể của A-lại-da Như Lai Tạng. Lại giải thích: Vốn là tánh sinh tử, nghĩa là Thể của Thức này lại có thể tùy thuận thâm nhiếp duy trì chủng tử của những Chi khác, khiến cho có thể thành tựu chủ động-thụ động dẫn dắt phát sinh, cho nên nói là tùy thuận thâm nhiếp giữ lấy... những nghiệp như tội phước... làm đất.

Viễn Công Giải thích rằng: “Trú như vậy là chi Sắc, sinh tâm như vậy là chi Danh, kết thành Danh sắc đã sinh ra.” Nay Lại giải thích: Trú như vậy là chủng tử của Thức gieo vào đất nghiệp, sinh tâm như vậy là Si che phủ mà Ái tưới thấm, đây là kết luận về bốn văn trên. Lại giải thích: Đây là tổng quát nêu ra tâm Ngã tưới ướt... trong kinh, nghĩa là dấy lên an trú như vậy, sinh ra tâm như vậy. Ngã là Ngã sở... nghĩa là thấy có mình là Ngã, như lúc con trai thọ sinh, thấy tinh của cha là mình có vốn là Ngã sở, lại thấy mẹ là vợ của mình cũng là Ngã sở; con gái thì ngược lại với điều này.

Nói Ngã-Ngã tưởng là Mạn, là nhắc lại hai Tướng về Ngã và Ngã sở trước đây là Mạn, tự thấy mình cùng tranh giành nữ sắc với

cha, nghĩa là đã được thắng cuộc, liền khởi lên Tướng về Mạn; con gái cũng như vậy.

Nói Ngã sinh ra... là giải thích về mạng lưới kiến chấp. Viễn Công nói: “Thấy mình chỉ sinh ra ở nơi này, không sinh ra ở nơi khác, cho nên nói là Ngã sinh-không sinh. Lại nói thấy Thường là Ngã sinh, thấy Đoạn là không sinh.” Nay giải thích: Thấy Chánh báo của mình cho là Ngã sinh, thấy Y báo đã đạo qua gọi là không sinh, bởi vì lúc thọ thai hoặc là thấy đạo qua rừng hoa, hoặc là ở trong nhà cửa rộng rãi... thấy khác nhau không phải là một, cho nên nói là đủ loại, do kiến chấp khó rời bỏ như mạng lưới che phủ.

Phần sau là giải thích về quán nghịch, bởi vì pháp duyên khởi vốn không có tánh mà diệt, không phải là trí lực mà đoạn cho nên gọi là diệt.

Trong môn ba là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau. Một: Nếu duyên với Vô ngã thì lại dựa vào pháp nào? Duyên vào tướng có thể trú. Sau nêu ra kinh so sánh rõ ràng trình bày về tướng của duyên khởi dựa vào Chân mà khởi lên. Trong luận, Vô minh dấy lên nghiệp, gọi là Danh sắc, Viễn Công dẫn ra luận Tỳ-bà-sa: “Danh sắc có hai loại: 1) Danh sắc thuộc phương tiện; 2) Danh sắc thuộc về báo. Nếu nói Danh sắc duyên với Thức thì đó là Danh sắc thuộc phương tiện. Nếu nói Thức duyên với Danh sắc thì đó là Danh sắc thuộc về báo.” Nay đã nói Hành lấy làm Danh sắc, cho nên biết là Danh sắc thuộc phương tiện của nó. Nói nương tựa vào nó, bởi vì Thức A-lại-da là nơi nương tựa của Danh sắc... ấy. Đây là dựa theo môn Y Trì mà nói. Hai: Danh sắc và Thức cùng sinh, là nghĩa về sinh khởi lẫn nhau. Ba: Nghĩa về dựa vào nhau, nghĩa là Thức nhờ vào Danh sắc mà có thể dấy khởi, Danh sắc nhờ vào Thức mà có thể tồn tại.

Phần sau là giải thích về quán nghịch, Tác là việc làm, người và pháp đều Không, đó gọi là kết thúc phần trước. Vì sao là hỏi về đạt được giải thoát sau khi chứng Chân đế này, đáp rằng nay nêu ra duyên sinh bởi vì phân rõ về quán ấy.

Trong môn ba là luận dựa theo Đại Bi tùy thuận, trong đó có bốn đoạn. Ở đây gọi là ngu si điên đảo bậc nhất, không hiểu về Vô ngã gọi là ngu si, chấp trước sai lầm có Ngã gọi là điên đảo. Trong luận: Đầu là giải thích tổng quát, nghĩa là Bồ-tát quán sát về môn thứ nhất này thì mười hai chi Hữu toàn bộ là điên đảo, tùy thuận tâm Đại Bi của Bồ-tát cho nên nói là quán sát về sự việc này. Sau là trong giải thích riêng biệt: Một là giải thích về ngu si, hai từ “Nhất thiết phàm phu...” trở xuống là

giải thích về điên đảo.

Trong phần một: Trước là giải thích về tướng của Si, nghĩa là đấm theo Ngã mà sinh ra, lia xa Ngã thì không sinh ra, nêu rõ lia xa không sinh mà hiện rõ đấm theo là Si. Tiếp là giải thích tên gọi của Si, vì sao là câu hỏi. Vô minh tối tăm, là bởi vì không có Tuệ sáng suốt, Thế là tối tăm cho nên gọi là ngu si, dựa vào kinh có thể biết.

Trong phần hai là giải thích về điên đảo, ngu si mù tối đấm theo Ngã điên đảo như vậy, là điên đảo giữ lấy Ngã; nghi hoặc điên đảo về tướng có trong chi Hữu, là điên đảo giữ lấy Ngã sở. Đây là giải thích về không có trí mong cầu... trong kinh, cho đến hết một môn này, đều là điên đảo. Bồ-tát quán sát điều này, khởi lên Đại Bi sâu sắc đối với chúng sinh.

Môn bốn là dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng, trình bày về mười hai chi Hữu này hoàn toàn là pháp do Nhất-thiết-chủng-trí mà nhận biết, thâm nhiếp mười làm chín. Trong môn thứ nhất này nửa môn trước làm một, gọi là quán phân biệt về nhiễm-tịnh, nghĩa là đấm theo Ngã gọi là nhiễm, lia xa Ngã gọi là tịnh. Nhưng một văn này bao hàm đầy đủ nhiều ý, tạm thời nêu ra bốn ý để giải thích, đó là: a) Trong kinh trình bày là vọng giữ lấy Ngã mà khởi lên tướng theo thứ tự của duyên sinh này; b) Ý thứ nhất của Luận gia, nêu ra hiểu biết mê hoặc này để làm rõ về Vô ngã, thành tựu quán Vô ngã; c) Nêu ra lia xa Ngã không sinh làm rõ về Ngã là Si, thuận theo thành tựu về Bi quán; d) Giữ lấy hiểu biết mê hoặc này cho là pháp nhiễm-tịnh đã nhận biết. Nửa môn sau bởi vì là dựa vào Chân mà khởi lên, cho nên thuộc về quán nương tựa sau này thâm nhiếp. Giải thích về môn thứ nhất, xong.

Ngay trong Môn thứ hai: Do một tâm thâm nhiếp, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh phân hai: Trước là trình bày về tâm tạo ra ba cõi, là dựa vào môn Tập Khởi; sau là trình bày về tâm duy trì mười hai Chi, là dựa theo môn Y Trì.

Trong phần trước nói ba cõi hư vọng chỉ do một tâm tạo ra, đây là một đoạn văn mà các luận cùng dẫn chứng thành tựu về Duy Thức. Nay ở đây đã nói là những tâm nào? Thế nào gọi là Tác? Nay giải thích về nghĩa này dựa vào các Thánh giáo mà nói có nhiều môn:

Một: Tướng và Kiến cùng tồn tại cho nên nói là Duy Thức: Nghĩa là bao gồm đầy đủ hình ảnh vốn có của tám Thức và các tâm sở cùng với tướng phần đã biến đổi, do lực huân tập của chi Hữu... mà biến hiện rõ ràng Y báo-Chánh báo của ba cõi; như các luận Nhiếp Đại Thừa và

Duy Thức... nói rộng.

Hai: *Thâu nhiếp Tướng đưa về Kiến cho nên nói là Duy Thức:*

Nghĩa là cũng bao gồm tám Thức tâm vương-tâm sở sai biệt, tướng phần đã biến đổi không có chủng tử riêng biệt sinh ra, có thể thấy Thức sinh ra kèm theo hình ảnh ấy mà khởi lên; như kinh Giải Thâm Mật, luận Nhị Thập Duy Thức, luận Quán Sở Duyên nói đầy đủ về nghĩa này.

Ba: *Thâu nhiếp Tâm Sở đưa về Tâm Vương cho nên nói là Duy Thức:*

Nghĩa là cũng bao gồm đầy đủ tám Thức tâm vương, bởi vì tâm sở ấy dựa vào tâm vương mà không có tự Thể, vì vậy thừa nhận tâm sở ấy cũng là do tâm mà biến đổi; như luận Trang Nghiêm nói.

Bốn: *Lấy Mạt đưa về Bản cho nên nói là Duy Thức:* Nghĩa là bảy Chuyển Thức đều là công năng sai biệt của Thức vốn có, mà không có Thể riêng biệt. Kinh Lăng Già nói: “Biển Tạng Thức thường lặng, gió cảnh giới làm động, các Thức đủ loại sóng, vọt lên mà chuyển sinh.” Lại nói: “Ví như sóng biển rộng, không có tướng bao nhiêu, các Thức tâm như vậy, thật cũng không thể được.” Giải thích: Đã lìa xa nước thì không có sóng riêng biệt, rõ ràng lìa xa Thức vốn có thì không có Thức thứ sáu-thứ bảy riêng biệt, rộng ra như kinh ấy nói.

Năm: *Thâu nhiếp Tướng đưa về Tánh cho nên nói là Duy Thức:*

Nghĩa là tám Thức này đều không có tự Thể, chỉ là Như Lai Tạng bình đẳng hiển hiện, những tướng khác đều không còn. Kinh nói: “Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn trải qua diệt...” Kinh Lăng Già nói: “Tướng bất hoại có tám, Vô tướng cũng Vô tướng.” Những văn như vậy đích xác chứng minh không phải là một.

Sáu: *Chuyển Chân trở thành Sự cho nên nói là Duy Thức:*

Nghĩa là Như lai Tạng không giữ lấy tự tánh, tùy duyên hiển hiện tám Thức tâm vương-tâm sở, hiện bày chủng tử của Tướng và Kiến. Vì vậy kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng bị tập khí xấu ác từ vô thủy huân tập, cho nên gọi là Thức Tạng.” Kinh Mật Nghiêm nói: “Phật thuyết Như Lai Tạng, bởi vì A-lại-da thức, ác tuệ không biết được, Tạng là Thức Lại-da.” Lại nói: “Như Lai thanh tịnh tạng, thế gian A-lại-da, như vàng làm chiếc nhẫn, thay đổi không sai biệt.” Vả lại, kinh Thắng Man, luận Bảo Tánh, luận Khởi Tín đều nói đến nghĩa này đích xác chứng minh không phải là một.

Bảy: *Lý và Sự cùng dung hòa cho nên nói là Duy Thức:*

Nghĩa là Như Lai Tạng nêu ra Thể tùy duyên thành tựu phân rõ về các Sự, mà tự tánh ấy vốn không sinh diệt, ngay nơi này Lý và Sự tự nhiên dung hòa vô ngại, vì thế cho nên một Tâm-hai Đế đều không có gì chướng ngại.

Luận Khởi Tín nói: “Dựa vào pháp của một tâm có hai loại môn: 1) Tâm Chân Như môn; 2) Tâm Sinh Diệt môn. Nhưng hai môn này đều tự mỗi môn tổng quát thấu nhiếp tất cả các pháp.” Kinh Thắng Man nói: “Tự tánh thanh tịnh tâm, không nhiễm mà nhiễm, khó có thể biết rõ ràng; nhiễm mà không nhiễm, cũng khó có thể biết rõ ràng.” Giải thích rằng: Không nhiễm mà nhiễm, là trình bày về tánh thanh tịnh tùy theo nhiễm nêu ra Thể trở thành Tục, tức là Sinh Diệt môn; nhiễm mà không nhiễm, ngay nơi nhiễm mà thường thanh tịnh, xưa nay vốn là Chân đế, tức là Chân Như môn. Đây là trình bày về nhiễm ngay nơi thanh tịnh không ngăn ngại Chân mà luôn luôn Tục, thanh tịnh ngay nơi nhiễm không ngăn ngại Tục mà luôn luôn Chân, vì thế cho nên không ngăn ngại một tâm cùng tồn tại hai Đế. Trong này có ý vị, suy nghĩ sâu xa sẽ thấy. Kinh nói: Đối với Đế thường tự nhiên là hai, đối với Giải thường tự nhiên chỉ một.” Luận nói: Chương của Trí hết sức mù tối, nghĩa là Chân-Tục chấp trước riêng biệt, đều là nghĩa này.

Tám: Sự dung hòa vào nhau cho nên nói là Duy Thức: Nghĩa là do Lý tánh viên dung vô ngại, dùng Lý thành Sự, Sự cũng dung thông hòa hợp, không ngăn ngại lẫn nhau, hoặc là một hòa vào tất cả, tất cả hòa vào một, không có gì chướng ngại. Văn trên nói: Trong một hiểu rõ về vô lượng, trong vô lượng hiểu rõ về một... Trong phẩm Lô-xá-na nói: Ở trong thế giới hải Liên Hoa Tạng này, trong mỗi một vi trần thấy tất cả pháp giới. Lại sau phẩm này nói: Ở trong một vi trần thấy có ba nẻo ác-trời-người và A-tu-la, tất cả đều nhận lấy nghiệp báo. Những văn như vậy mở rộng ra nhiều vô lượng. Như kinh nói từ trên xuống dưới.

Chín: Sự hoàn toàn ngay trong nhau cho nên nói là Duy Thức: Nghĩa là Sự dựa vào Lý, Sự không có Sự gì riêng biệt, Lý đã không có bên này-bên kia khác nhau, khiến cho Sự cũng là một ngay nơi tất cả. Kinh phần trước nói: Biết một thế giới tức là tất cả thế giới, biết tất cả thế giới tức là một thế giới. Lại nói biết một tức là nhiều, nhiều tức là một... nói rộng ra như văn kinh.

Mười: Đế vắng vô ngại cho nên nói là Duy Thức: Nghĩa là trong một có tất cả, trong tất cả ấy lại có tất cả. Trong một môn đã trùng trùng không thể cùng tận như vậy, mỗi một môn khác cũng đều như vậy, suy nghĩ theo đó có thể biết. Như hình ảnh hiện bày trùng trùng trong Nhân-đà-la võng, đều vốn là pháp tánh viên dung với tâm thức Như Lai Tạng, khiến cho sự tương ấy vô ngại như vậy, nói rộng ra như văn từ trên xuống dưới.

Mười môn trên đây là đạo lý về Duy Thức, trong đó ba môn đầu

dựa theo Sơ giáo mà nói, bốn môn tiếp là dựa theo Chung giáo-Đốn giáo mà nói, ba môn sau dựa theo Biệt giáo trong Viên giáo mà nói, tổng quát đầy đủ mười môn dựa theo Đồng giáo mà nói.

Trên đây đã trình bày bao gồm một bộ kinh chứ không phải giới hạn ở Địa này. Lại là dựa theo Giáo ngay nơi Giải mà nói, nếu dựa vào Quán Hành thì cũng có mười lớp, nói như trong một quyển Hoa Nghiêm Tam Muội.

Trong phần sau là Y Trì môn có ba: 1)Nêu ra tông chỉ; 2)Nguyên cố thể nào là nêu ra vấn đề, nghĩa là mười hai chi Hữu trong Tiểu thừa; 3) Đời kiếp theo thứ tự trước sau dẫn dắt sinh ra, vì sao nói là đều dựa vào một tâm? Sau Giải thích rằng: Bởi vì lìa xa tâm của Thức vốn có thì tất cả không thành tựu. Trong đó: Trước là tổng quát giải thích về ba Chi, tất cả chỉ là Thức; sau là riêng biệt phân rõ chín Chi còn lại cũng chỉ là Thức.

Trong phần trước nói tùy sự là tùy theo nghiệp của hành ấy, từ trong Trung Ấm ở trong nẻo nào, dấy khởi tâm Ái cầu sinh đến, cho nên nói là tâm Dục sinh ra. Tâm này dấy khởi thì cùng với chủng tử của chi Thức trong Thức vốn có đồng thời dấy khởi, đến Sinh Ấm thì tâm cầu sinh này diệt đi, chỉ riêng Thức vốn có dựa vào Ca-la-la... như mầm sinh ra thì hạt giống hủy hoại... cho nên nói là Tâm tức là Thức. Luận về kinh nói tham dục cùng với tâm sinh ra, nghĩa là lúc trong Thức thứ sáu cầu sinh, tham dục cùng với Thức A-lại-da đồng thời dấy khởi. Lúc Trung Ấm chưa có, tham diệt đi mà tâm nối tiếp gọi là Thọ sinh. Hành đã tạo ra ấy biến đổi làm cảnh giới, cho rằng các loại nhà cửa... gọi là tâm lừa dối. Bởi vì không biết, giữ lấy làm thật gọi là Vô minh. Đây là Vô minh Thọ sinh chứ không phải là Vô minh Phát hành. Ý chính trong này trình bày về lúc Thọ sinh, sự của Hành là chủ động dẫn dắt, tâm Dục là chủ động tưới thấm. Hai loại này ở trước chi Thức. Nói đến tâm lừa dối, Vô minh cũng là chủ động dẫn dắt, bởi vì lừa dối khiến cho Thủ cũng là chủ động tưới thấm. Hai loại này ở sau. Dẫn dắt-tưới thấm chủng tử của năm quả... trong Thức vốn có, sinh ra quả đã sinh, hiện khởi phần vị có thứ tự, cho nên nói là Danh sắc... Vì vậy mười hai chi Hữu đều chỉ là Thức, không có gì ngoài Thức. Ý vẫn như vậy, vẫn còn lại có thể thấy.

2) Dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Phân biệt dựa vào tướng của Đế, luận giải thích đây là quán dựa vào nhiễm. Nói hai Đế sai biệt, là ý của Luận chủ lấy Thể của tâm đã dựa vào là Chân đế, chi Hữu có thể dựa vào là Tục đế. Một văn này gọi là hai Đế. Đây là giải thích tổng

quát về văn nêu ra. Nói quán về Tập của nhân duyên hòa hợp trong một tâm tạp nhiễm, là giải thích về nguyên cơ thể nào ở văn sau, nghĩa là một tâm là Chân, tạp nhiễm là Tục. Tức là trình bày về tâm này tùy theo nhiễm hòa hợp cùng phân rõ hai Đế, chính là không nhiễm mà nhiễm... trong kinh Thắng Man.

3) Dựa theo Đại Bi tùy thuận để phân biệt: Luận gọi là câu giải thoát nơi khác, là các phàm phu ngu si điên đảo như vậy, thường thuận theo câu giải thoát trong Thức A-lại-da và Thức A-đà-na, đây là nêu ra Chánh làm rõ về Tà. Nói chính là câu giải thoát ở trong Ngã và Ngã sở nơi khác, đây là hiển bày về Tà trái ngược với Chánh. Bởi vì các hạng phàm phu ngu si rời bỏ Chánh thuận theo Tà, cho nên rất đáng thương xót. Từ “Thử đối trị...” trở xuống là nêu ra kinh hiển bày về đối trị, có thể biết.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Luận gọi là quán về nương tựa, nghĩa là phân biệt về nương tựa chi Hữu có hai, đó là dựa vào Chân tánh và dựa vào Tâm Thức. Trong này hai Đế gồm chung là hai chỗ dựa, trình bày là pháp mà Đại Trí đã hiểu rõ.

Trong Môn thứ ba: Tự nghiệp giúp đỡ mà thành, có bốn môn giống như trước:

1) Phân biệt dựa theo Tướng-Dụng: Mười hai Chi này đều có hai nghĩa: a) Trình bày về tướng của Tự hành; b) Dụng giúp đỡ thành tựu về sau, nghĩa là ngu si mê hoặc trong duyên là tự tướng của Vô minh, làm nhân cho Hành là Dụng giúp đỡ trở thành nghiệp, luận về kinh gọi là thành tựu Tự nghiệp.

Hỏi: Ở trong bốn duyên thì mười hai Chi này có mấy duyên?

Đáp: Luận Thành Duy Thức quyển thứ tám nói: “Các Chi hưởng về nhau thì Tăng thượng duyên nhất định là có, ba duyên còn lại có và không có thì không nhất định.” Khế kinh dựa vào nhất định chỉ nói có một. Ái hưởng về Thủ, Hữu hưởng về Sinh, có nghĩa về Nhân duyên. Nếu nói chi Thức là nghiệp chủng, thì Hành hưởng về Thức cũng làm Nhân duyên, những Chi còn lại hưởng về nhau không có nghĩa của Nhân duyên, nhưng luận Tạp Tập nói Vô minh hưởng về Hành có Nhân duyên, là dựa vào Vô minh duy trì tập khí của nghiệp mà nói, Vô minh đi cùng cho nên tạm nói là Vô minh, thật sự là chủng tử của Hành. Luận Du Già nói: “Các Chi hưởng về nhau không có Nhân duyên, là dựa vào ngay nơi Ái-Thủ chỉ là Hữu thuộc nghiệp mà nói. Vô minh hưởng về Hành, Ái hưởng về Thủ, Sinh hưởng về Lão tử, có hai duyên còn lại. Hữu hưởng về Sinh, Thọ hưởng về Ái, không có Đẳng vô gián duyên

mà có Sở duyên duyên. Chi còn lại hưởng về nhau thì cả hai đều không có.” Trong này tạm thời dựa vào sát bên cạnh theo thứ tự không tạp loạn lẫn nhau. Thật sự duyên khởi nói khác với điều này, hưởng về nhau làm duyên không nhất định, những người thông tuệ như lý cần phải suy nghĩ.

Giải thích rằng: Kinh Duyên Khởi nói: “Chỉ riêng Tăng thượng duyên thì tất cả nhất định là có. Nhân duyên thuộc bốn phần vị: Hai phần vị là thật có, một là chỉ thêm Ái là Thủ, bởi vì không có chủng tử riêng biệt; hai là trong chi Hữu có đủ chủng tử của năm quả chủng, hưởng về Sinh có nghĩa của tự mình sinh ra. Nếu chỉ nói đến nghiệp thì cho rằng chi Hữu tức là không có Nhân duyên. Hai phần vị là tạm nói, nghĩa là Vô minh duy trì chủng tử của Hành, Thức là chủng tử của nghiệp. Đẳng vô gián duyên ấy có ba phần vị: a) Vô minh hưởng về Hành; b) Ái hưởng về Thủ; c) Sinh hưởng về Lão tử. Sở duyên duyên có năm phần vị, ở ba phần vị trước thêm vào Hữu hưởng về Sinh, Thọ hưởng về Ái. Sáu Chi còn lại toàn bộ không có Sở duyên duyên và Đẳng vô gián duyên.” Nghĩa còn lại như nói riêng biệt.

2) Phân biệt dựa theo chán ngán là xa hữu vi: Ở bên trong quán về nhân của nhiễm, gọi là quán về nhân khác, bởi vì Chi trước hưởng về Chi sau, khác nhau cho nên gọi là khác. Trước có thể dấy khởi sau làm nhân cho Chi khác, vì vậy nói là nhân khác, đều phân rõ hành tướng là hiển bày về nghĩa của Chi khác, đều có thể sinh ra Chi sau là hiển bày về nghĩa của nhân. Luận giải thích về chi Tử, bởi vì không thấy biết khiến cho nối tiếp nhau, đây là Vô minh. Vì sao thuộc về Tử? Giải thích đây là lúc Tử, Vô minh vốn nhờ vào Tử mà dấy khởi.

3) Trong phân biệt dựa theo Đại Bi: Đây là môn thứ ba cầu giải thoát ở đạo khác trong bốn môn. Cầu giải thoát ở trong nhân điên đảo, văn này đối trị nhân thuộc tự tánh ấy trong ba loại nhân điên đảo, vì vậy nói là không nên cầu như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì sắp mở rộng giải thích, cho nên nêu ra. Nghĩa là trong pháp của Phật chúng tôi, nhờ vào Chi trước khởi lên Chi sau, đoạn dứt nhân trước cho nên quả sau không sinh ra, tức là được giải thoát, ông nói tánh ngu đần làm nhân, dù cho biết nhưng do đâu có thể thoát khỏi, vì vậy nói là không nên. Nói về Nhân duyên và chi Hữu..., là tổng quát nêu ra văn kinh để hiển bày về Chánh đối trị với Tà, có thể biết.

4) Trong phân biệt dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Đây là môn thứ ba gọi là quán về phương tiện trong chín môn. Nhân duyên và chi Hữu là hai loại nghiệp có thể khởi lên sự việc của Nhân duyên, sơ

lược giải thích để hiển bày về loại trước khéo léo khởi lên loại sau gọi là phương tiện... Văn còn lại có thể biết.

Trong Môn thứ tư: Quán về không rời xa nhau, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo không lìa xa nhau: Nghĩa là trước có thể khởi lên sau, lìa xa sau không có trước, sau dựa vào trước khởi lên, lìa xa trước không có sau. Không lìa xa nhau bởi vì tất cả không có tự tánh, duyên khởi không có tánh, như huyễn ảo hiện rõ trước mắt. Đây là quán bình đẳng về một chân lý, quán sát thuận theo mà thành tựu ngược lại. Văn kinh có thể biết.

2) Phân biệt dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Luận gọi là quán về Tự nhân. Bởi vì duyên theo Sự mà quán về nhân tự sinh ra như Vô minh... nghĩa là Vô minh sinh ra Hành là nhân tự sinh ra.

Hỏi: Vô minh và Hành khác nhau, vì sao gọi là Tự?

Đáp: Bởi vì Hành dựa vào Vô minh, cho nên không có tự Thể; lực của duyên thâm nhiếp hoàn toàn, vốn không phải là từng phần. Trước trình bày không ngay trong nhau (Bất tức) cho nên nói là nhân khác, ở đây hiển bày không lìa xa nhau (Bất ly) gọi là Tự nhân. Có người dẫn ra văn của chủng tử và quả này, trình bày về chi Vô minh có chủng tử hiện hành, không phải là ý văn này.

Vả lại, Viễn Công dùng năm nghĩa để giải thích về văn này, trình bày lúc còn ở chủng tử là trước, Vô minh có thể sinh ra là sau, Vô minh khiến cho Hành không đoạn dứt, thời gian khác nhau với Hành; lúc ở quả là sau, Vô minh từ trước sinh ra, giúp đỡ mà trở thành Hành, cùng thời gian với Hành... Nay tìm theo ý văn này, chỉ có Vô minh phát Hành là lúc còn ở chủng tử, Hành đã phát là lúc ở quả. Bởi vì Hành là quả của Vô minh, cho nên nói Vô minh có ở hai thời gian.

Hỏi: Vô minh hướng về Hành không có nghĩa về nhân gần gũi, vì sao nói Hành tức là Vô minh lúc ở quả?

Đáp: Vô minh là Tăng thượng duyên của Hành, cho nên gọi là lúc còn ở chủng tử; Hành là quả Tăng thượng của Vô minh, cho nên gọi là lúc ở quả.

Trong văn có bốn: a) Tách ra nghĩa về môn; b) Trình bày về không lìa xa nhau; c) Hiển bày về không ngay trong nhau; d) Tổng quát kết luận về giống nhau.

Trong phần a: Trước là tách ra; sau từ “Thị trung...” trở xuống là giải thích. Nói về lúc còn ở chủng tử khiến cho Hành không đoạn dứt, bởi vì Vô minh là nhân của Hành vốn có hai loại nghĩa. Duyên theo sự

nêu ra rõ ràng, bởi vì lúc còn ở chủng tử là Duyên, lúc ở quả là Sự. Hai nghĩa ở những Chi khác tương tự như vậy nên biết, cho nên nói là phân biệt về Nhân duyên còn lại.

Phần b từ “Tự nhân giả...” trở xuống là giải thích về không lìa xa nhau có ba câu, lần lượt chuyển tiếp giải thích về thành tựu: Một là Tự nhân bởi vì không lìa xa nhau. Hai là vì sao không lìa xa, bởi vì ngay nơi ấy thấy lìa xa Chi trước mà không có Chi sau, đây là hiển bày về lìa xa chủng tử thì không có quả, cho nên nói quả là quả của chủng tử. Ba là không lìa xa Vô minh, tức là thành tựu về Hành, đây là giải thích thuận theo; không lìa xa chủng tử Vô minh, tức là thành tựu về quả, cho nên gọi là không lìa xa.

Phần c từ “Nhược bất ly...” trở xuống là giải thích về nghĩa không ngay trong nhau: Trước là hiển bày về hai sai lầm; sau là dẫn ra tụng trong luận Trung Quán để giải thích về thành tựu. Nói về nhân không ngay trong nhau, bởi vì là thụ động sinh chứ không phải chủ động sinh. Nhân không khác nhau, là thụ động sinh từ nơi chủ động sinh mà sinh ra. Bởi vì quả không phải là nhân, cho nên quả không đoạn dứt, nhân không thường còn. Bởi vì quả không khác với nhân, cho nên quả không thường còn, nhân không đoạn dứt. Lại bởi vì không hạn chế cho nên nhân quả đi cùng không đoạn dứt, không khác nhau cho nên nhân quả đi cùng không thường còn. Lại cũng trái với điều này, suy nghĩ có thể biết. Lại bởi vì hạn chế không lìa xa là không hạn chế, mà ngay trong nhau không thường còn là không đoạn dứt. Cũng suy nghĩ có thể thấy.

Phần d từ “Tự sinh...” trở xuống tổng quát tương tự kết luận giống nhau, có thể biết.

3) Phân biệt dựa theo Đại Bi: Nghĩa là chúng sinh tà kiến bên trong chấp vào nhân điên đảo, lấy Tự Tại Thiên làm nhân của chúng sinh, thật là đáng thương. Nay trong văn này, hiển bày về Vô minh dấy lên Hành..., bởi vì đối trị với kiến chấp ấy vốn là quán về nhân.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Đây là môn thứ tư quán về tướng Nhân duyên. Bởi vì chi Hữu vô tác, là trình bày về chi Hữu này vốn không phải thẳng đến sau-dựa vào trước, vì vậy trình bày sau không có tánh cũng chính là trước có thể dấy lên sau, trước cũng vô tác cho nên các duyên khởi là cảnh giới của Chủng trí.

Môn thứ năm: Ba đường không đoạn dứt, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh là ba đường không đoạn dứt: Phiền não có hai, đó là có thể phát khởi và có thể tưới thấm. Tuy các phiền não đều có

thể phát khởi và tưới thấm, nhưng phần vị phát khởi của nghiệp thì lực Vô minh tăng lên, tưới thấm cho nghiệp thọ sinh thì lực Ái-Thủ hơn hẳn, cho nên chỉ nói đến loại ấy. Bởi vì thiết lập một Vô minh không có phát khởi trở lại, thường xuyên tưới thấm cho nên phân ra Ái-Thủ.

Nghiệp cũng có hai, đó là chưa tưới thấm và đã tưới thấm. Nghiệp thuộc về nhân dẫn dắt, Ái-Thủ chưa tưới thấm, bắt đầu khởi lên tạo tác hiển bày lẫn nhau gọi là Hành; nghiệp thuộc về nhân sinh khởi, Ái-Thủ đã tưới thấm, gần sinh ra quả ấy thiết lập tên gọi là Hữu. Đây là dựa theo Hữu của riêng nghiệp mà nói.

Khổ cũng có hai, đó là thuộc về nhân và quả, năm loại như Thức... chỉ là nhân của báo, hai phần vị như Sinh chỉ là quả của báo. Bởi vì ngay nơi phần vị của nhân khó nhận biết về tướng sai biệt, cho nên dựa vào phần vị của quả ấy để hiển bày riêng biệt về năm Chi. Đó là nối tiếp Sinh thì nhờ vào Thức mà hiển bày lẫn nhau; tiếp theo Căn chưa đầy đủ, Danh sắc tăng thêm lẫn nhau; tiếp theo lúc Căn đầy đủ, sáu Xứ đầy đủ rõ ràng; dựa vào đây phát ra Xúc, nhờ vào Xúc khởi lên Thọ; lúc bấy giờ mới gọi là cuối cùng nhận lấy quả, dựa vào phần vị này thiết lập nhân làm năm Chi. Phần vị của quả dễ dàng hiểu rõ về tướng sai biệt, cho nên tổng quát thiết lập hai Chi để hiển bày về hai Khổ. Nhưng quả đã sinh ra dường như thuộc về vị lai, vì sinh ra chán ngán cho nên nói là Sinh-Lão tử. Nếu đến hiện tại, thì bởi vì khiến cho nhận biết rõ ràng về phần vị của tướng Sinh mà nói năm loại như Thức... Phân rõ đầy đủ như trong luận Duy Thức quyển thứ tám. Lại ba loại Hoặc-Nghiệp-Khổ này là tướng của lưu chuyển, như luận Thập Nhị Duyên của Bồ-tát Tịnh Ý soạn ra có tụng rằng: “Phiền não là một-tám-chín, nghiệp là hai cùng với mười, còn lại bảy nói là khổ, ba đầu nhiếp mười hai pháp. Từ ba mà sinh ra hai, từ hai mà sinh ra bảy, từ bảy lại sinh ra ba, cho nên như vòng xe quay. Tất cả các pháp thế gian, chỉ nhân quả không có người, nhưng thuận theo các pháp Không, trở lại sinh ra pháp Không.” Giải thích rằng: Đây là phân rõ về tướng Sinh trong ba đường để hiển bày về hai Vô ngã, rộng ra như luận ấy giải thích.

2) Phân biệt dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Luận gọi là quán thâm nhiếp về sai lầm, đó gọi là ba đường thâm nhiếp nhân của khổ-quả của khổ, cho nên hết sức chán ngán lìa xa.

3) Phân biệt dựa theo Đại Bi: Luận gọi là cầu giải thoát ở đạo khác. Bên trong đối trị với nhân của khổ hạnh, nghĩa là khổ hạnh tà vạy chỉ là nghiệp-phiền não, vốn là nhân của vọng tưởng, không phải nhân của vui sướng, như Vô minh-Ái... trong kinh này.

4) Phân biệt dựa theo Đại Trí: Luận gọi là quán tiến vào Đế. Ba đường là Khổ-Tập đế, vốn là pháp mà Đại Trí đã nhận biết. Luận Du Già quyển thứ 5 nói: “Hỏi: Máy Chi do Khổ đế thâm nhiếp, và pháp hiện tại là Khổ? Đáp: Hai Chi, đó là Sinh và Lão tử. Hỏi: Máy Chi do Khổ đế thâm nhiếp, sẽ thành tựu là Khổ? Đáp: Năm Chi, đó là tánh thuộc chủng tử của Thức cho đến Thọ. Hỏi: Máy Chi do Tập đế thâm nhiếp? Đáp: Những Chi còn lại.” Giải thích rằng: Ngay năm nhân-hai quả ấy đều là Khổ đế; năm Chi thuộc Hoặc nghiệp là do Tập đế thâm nhiếp. Lại luận Duy Thức quyển thứ tám nói: “Đều do Khổ đế thâm nhiếp, bởi vì tánh thuộc Thủ uẩn; năm Chi do Tập đế thâm nhiếp, bởi vì tánh thuộc nghiệp-phiền não.” Giải thích rằng: Đây là Khổ thâm nhiếp mười hai Chi, bởi vì là tánh thuộc Thủ uẩn; Tập chỉ thâm nhiếp năm Chi, có thể biết.

Trong Môn thứ sáu: Phân biệt thời gian trước sau, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh: Phân biệt thời gian trước sau, trong mười hai Chi này thì hai Chi đầu là chủ động dẫn dắt, năm Chi tiếp là thụ động dẫn dắt, ba Chi tiếp là chủ động sinh ra, hai Chi sau cuối là thụ động sinh ra. Trong đó phân biệt về ba thời gian, trong các Thánh giáo tóm lược có ba thuyết:

Một: Dựa vào kinh này tách biệt chủ động-thụ động dẫn dắt phân ra thời gian trước-thời gian giữa, kết hợp chủ động-thụ động sinh ra tổng quát làm thời gian sau, bởi vì dẫn dắt xa cho nên tách biệt, sinh ra gần cho nên hợp lại.

Hai: Dựa vào luận Duy Thức tách biệt chủ động-thụ động sinh ra, kết hợp chủ động-thụ động dẫn dắt, vì thế cho nên mười Chi trước là hiện tại, hai Chi sau là vị lai, bởi vì mười nhân-hai quả mà phân ra hai đời.

Ba: Sinh ra và dẫn dắt đều tách biệt như Trí Luận, hai Chi đầu là quá khứ, tám Chi tiếp là hiện tại, hai Chi sau cuối là vị lai, cho nên trở thành ba đời. Các luận như Duy Thức... nói mười nhân-hai quả nhất định không cùng chung thời gian. Trong nhân thì bảy Chi trước và ba Chi tiếp, hoặc là giống-hoặc là khác; nếu Chi hai-ba-bảy thì tất cả nhất định cùng chung thời gian. Như vậy mười hai Chi là một lớp nhân quả đủ để hiển bày về luân chuyển và lìa xa Đoạn-Thường. Lại do nhân quả luân hồi thuộc ba đời này, hai Ngã về Nhân-Pháp vĩnh viễn không còn có gì.

2) Dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Luận gọi là quán về bảo vệ

lỗi lầm, nghĩa là người ngoài cùng với đạo lý về duyên sinh này đưa ra ba loại lỗi lầm: a) Tất cả các thân cùng lúc sinh ra, là nêu ra tên gọi của lỗi lầm. Nguyên cố thế nào, là người ngoài tự nêu ra thiết lập về nguyên cố của lỗi lầm. Không có nhân khác, là giải thích về thiết lập tương của lỗi lầm, bởi vì không có nhân khác của Ngã. Vì sao không có được thân của năm đường cùng lúc đều sinh ra? b) Trong nêu ra tên gọi, chứng minh để thiết lập có thể biết. Bởi vì không có tạo tác, là giải thích về thiết lập tương của lỗi lầm. Nếu không có tác nghiệp của Ngã thì ai nhận lấy báo sau này? c) Trong nêu ra chứng minh có thể biết.

Trong giải thích: Đã không có Ngã, ai duy trì nghiệp này khiến cho đi đến quả? Vì thế thích ứng với lỗi lầm. Trước không thọ báo là dựa vào trước hưởng về sau mà nói, trong này mất đi nghiệp là dựa vào sau hưởng về trước mà nói.

Từ “Thử tam...” trở xuống là tổng quát nhắc lại làm sáng tỏ về bảo vệ, nghĩa là nhân quá khứ-hiện tại, tên gọi sai khác là nhân khác, bởi vì đây là giải đáp về ba loại chất vấn ở trước, cho nên gọi là đáp; cũng bao gồm chọn lấy câu sau, quả hiện tại-vị lai khác nhau. Do nhân khác nhau ấy, vì sao có thể có lỗi lầm về cùng lúc sinh ra? Lại nhân sai biệt thì cảm được báo sai biệt, vì sao lại nói có báo không thọ? Báo sai biệt do nhân khác nhau sinh ra, vì sao có thể có lỗi lầm mất đi nghiệp?

Sau là trong văn giải thích: Một là trong giải thích về quả khứ, Vô minh duyên Hành là thấy quá khứ, nhắc lại văn kinh nêu ra. Trong giải thích có hai câu: a) Trình bày về nhân quá khứ có thể dấy lên hiện tại; b) Quả hiện tại nhờ vào nhân quá khứ. Nói về Thức hiện tại... để làm vị lai, trong này chỉ nói đến nhân quá khứ là đủ, đâu cần phải tiếp tục nói đến hiện tại làm vị lai? Bởi vì muốn dùng nhân quả hệ thuộc lẫn nhau để ngăn ngừa ba lỗi lầm. Từ “Tắc thị kiến...” trở xuống là giải thích rồi tổng quát kết luận quá khứ là nghĩa về nhân.

Hai là trong giải thích về hiện tại, nói Thức cho đến Thọ là thấy hiện tại, nhắc lại văn kinh. Trong giải thích có hai câu: a) Trình bày về quả hiện tại nhờ vào nhân quá khứ; b) Từ “Phục năng...” trở xuống là trình bày về nhân quá khứ cảm được quả hiện tại, hiện tại là vị lai của quá khứ ấy cho nên nói là cảm được quả vị lai.

Ba từ “Ái-Thủ...” trở xuống là trong giải thích về vị lai: Trước là nhắc lại văn kinh, nói lại có sinh là giải thích từ Ái-Thủ... khởi lên có sinh tử gọi là có sinh.

Hỏi: Trước đây giải thích về quả khứ-hiện tại đều là hai đời trái ngược nhau, nay giải thích về vị lai vì sao không như vậy?

Đáp: Bởi vì quá khứ-hiện tại ấy trong kinh tự phân làm hai, vì vậy cần phải hệ thuộc lẫn nhau để thành tựu bảo vệ lỗi lầm. Trong kinh tự nói ba chi Ái-Thủ-Hữu thuận theo quả làm vị lai, không phải hệ thuộc lẫn nhau do Luận chủ, cho nên không luận đến. Nói luôn luôn nhất định là kết luận riêng biệt về văn trước, bởi vì trên đây đã trình bày là một phần của ba đời gọi là luôn luôn (Nhất vãng), lý lẽ về số như vậy gọi là nhất định.

Sau là giải thích bởi vì ba đời lần lượt chuyển tiếp sinh khởi lẫn nhau không cùng tận, cho nên nói là lại có đời sau sinh khởi chuyển tiếp.

Từ “Thử thuyết hà nghĩa...” trở xuống là giải thích về bảo vệ lỗi lầm trước đây, có ba nghĩa: a) Trình bày chung về nghiệp không mang lấy quả; b) Nêu ra kinh trình bày về mang lấy; c) Cùng kết luận về mang lấy và không mang lấy.

Trong phần a: Trước là tổng quát nêu ra, do ba nghĩa mà khiến cho nghiệp quá khứ không có thể mang lấy quả. Một: Hoặc có lúc chưa làm ra, là ngay nơi quá khứ câu Ái-Thủ-Hữu... lúc bấy giờ chưa làm ra, cho nên không mang lấy quả Sinh-Lão tử ở hiện tại.

Hỏi: Quan sát văn này, ý tựa như nói về Vô minh quá khứ chưa làm ra Hành của nghiệp, vì sao lại nói là Ái... chưa làm ra?

Đáp: Nếu Vô minh chưa làm ra nghiệp, thì vì sao lại nói là nghiệp quá khứ? Bởi vì ba nghĩa cho nên không mang lấy báo. Nói hoặc có lúc đã làm ra nhưng chưa mang lấy báo, là ngay nơi hiện tại mà câu Ái-Thủ-Hữu... tuy đã làm ra đến cuối cùng nhưng bởi vì chưa chín muồi, cho nên hiện tại không mang lấy quả Sinh-Lão tử. Hai: Hoặc đạt được đối trị, nếu đã tưới thấm và nghiệp đã chín muồi, thì chấp rằng lẽ ra mang lấy quả Sinh-Lão tử ở vị lai tiếp theo đời này. Ba: Hoặc ở đời này nếu đạt được Thánh quả, thì bởi vì đoạn bỏ Ái-Thủ mà khiến cho nghiệp đã chín muồi lập tức mất đi chứ không mang lấy báo.

Trong phần b từ “Thị trung vô minh...” trở xuống là trình bày về ba nghĩa mang lấy báo trong kinh nêu ra, đó là quá khứ đã có Vô minh duyên Hành, biết rõ ràng đã làm ra không giống như Ái...; hiện tại đã mang lấy năm quả như Thức... biết rõ ràng tức là nghiệp đã mang lấy quả; bởi vì Ái-Thủ ở hiện tại không có Thánh đạo đoạn trừ, khiến cho Sinh-Tử ở vị lai nối tiếp nhau không dứt.

Trong phần c từ “Thị cố...” trở xuống là cùng kết luận, có lúc đã làm ra là chi Hành, chưa làm ra là chi Hữu, đã mang lấy quả là chi Thức... chưa mang lấy quả là chi Sinh... Thánh nhân đã đoạn mà phàm

phu chưa đoạn.

Sau là chính thức kết luận về bảo vệ nghiệp: Đã có sai biệt như vậy, sao có thể có lỗi lầm về tất cả các thân cùng lúc sinh ra? Nghĩa là có làm ra và chưa làm ra, vì sao cùng lúc? Có mang lấy báo và chưa mang lấy báo, sao nói là cùng lúc? Có đoạn và chưa đoạn, làm sao có thể cùng lúc?

Từ “Nhược nhĩ...” trở xuống là tiếp tục nhắc lại để hiển bày rõ ràng, không phải tất cả các nghiệp sẽ nhận lấy, là đã đoạn trước đây; cũng không phải không nhận lấy, là chưa đoạn trước đây; cũng không phải cùng lúc, là hiển bày đã làm ra và chưa làm ra, đã mang lấy và chưa mang lấy trước đây, có thể biết.

Từ “Nhược tự tác...” trở xuống là bảo vệ lỗi lầm thứ hai về không nhận lấy báo, nghĩa là tự mình làm ra-tự mình nhận lấy, sao không phải người khác nhận lấy, bởi vì người khác không làm ra.

Lìa xa ba sự việc ấy là bảo vệ lỗi lầm thứ ba về mất đi nghiệp, nghĩa là do lìa xa ba loại không mang lấy trước đây, cho nên các nghiệp không có nghiệp nào không mang lấy quả, vì vậy không có lỗi lầm về mất đi nghiệp. Sau là kết luận có thể biết.

3) Phân biệt dựa theo Đại Bi: Bồ-tát thấy các ngoại đạo chấp không có nhân... thực hành cầu giải thoát ở trong đạo khác, khởi tâm Đại Bi, quán sát về duyên sinh này, cứu giúp tà chấp của họ. Luận nói: Nhân của thời gian trước và giữa, thì hai Chi quá khứ là thời gian trước, làm nhân cho thời gian giữa như Thức... ở hiện tại. Nói cho đến nhân của thời gian giữa và sau, là Ái-Thủ-Hữu ở thời gian giữa làm nhân cho thời gian sau ở vị lai. Nói vốn là hai thời gian trước-sau của thời gian giữa, ở trong thời gian giữa thì phần vị của năm quả như Thức... thuộc về thời gian trước, phần vị của ba nhân như Ái... thuộc về thời gian sau. Đã có nhân này, vì sao nói là không có? Vì thế cho nên kết luận nói rằng: Nếu không có sự việc về nhân như vậy, thì sự việc về quả của các loại chúng sinh cũng không có.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Luận gọi là quán về Lực-Vô lực tin tưởng tiến vào nương tựa, hai Chi quá khứ hướng về hiện tại thì có lực, hướng về sau thì không có lực, ba Chi như Ái... hướng về sau thì có lực, hướng về trước thì không có lực. Lại giải thích: Hai Chi quá khứ là có lực, năm Chi hiện tại là không có lực, ba Chi hiện tại là có lực, hai Chi sau là không có lực, bởi vì đều chủ động sinh ra là có lực, thụ động sinh ra là không có lực. Bồ-tát nêu ra điều này, giáo hóa người khiến cho lìa bỏ Tà tiến vào Chánh, cho nên nói là tin tưởng tiến vào

nương tựa. Trí của Bồ-tát soi chiếu, cho nên nói là quán. Nói trước-giữa-sau giáo hóa thù thắng, là trở lại giải thích về thành tựu trước-giữa-sau, đều có lực-không có lực giáo hóa thù thắng là tin tưởng tiến vào, nghĩa là soi chiếu ba thời để giáo hóa chúng sinh, vốn là Chứng trí.

Trong Môn thứ bảy: Phân biệt về ba Khổ, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh: Trình bày về chi Hữu này đều là Khổ tích tụ, muốn giải thích về nhân của ba Khổ, phân rõ về Thọ đi cùng để phân biệt. Luận Du Già nói: Có mấy Chi đi cùng Lạc thọ? Đó là trừ ra hai Chi, còn lại các Chi khác. Giải thích rằng: Trừ ra chi Thọ và chi Lão tử, mười Chi còn lại có Lạc thọ, bởi vì Thọ không đi cùng với Thọ, mà trong phần vị Lão tử phần nhiều không có Lạc. Có mấy Chi đi cùng Khổ thọ? Đó là chính Khổ thọ và một trong các Chi đã trừ ra. Giải thích rằng: Chỉ trừ ra chi Thọ, mười một Chi còn lại đều là Khổ thọ. Có mấy Chi đi cùng Xả thọ? Như nói về Lạc thọ, bởi vì phần vị Lão tử phần nhiều không có tiếp nhận và rời bỏ. Có mấy Chi không đi cùng với Thọ? Đó là một trong các Chi đã trừ ra, tức là chi Thọ, bởi vì Thọ không đi cùng với Thọ. Luận Duy Thức cũng giống như vậy.

Tiếp là phân biệt về ba Khổ, có hai môn: Một: Lý thật biến thông môn, như trong luận Du Già nói: “Có mấy Chi do Hoại khổ thâm nhiếp? Đó là Chi đi cùng Lạc thọ và một phần của Chi đi cùng không phải là Thọ. Có mấy Chi do Khổ khổ thâm nhiếp? Đó là Chi đi cùng Khổ thọ và một phần của Chi đi cùng không phải là Thọ. Có mấy Chi do Hành khổ thâm nhiếp? Đó là tất cả các Chi thuộc Hoại khổ và Khổ khổ, cũng là Chi thuộc Hành khổ. Hoặc có lúc do Hành khổ thâm nhiếp mà không phải là hai Khổ còn lại, đó là Chi đi cùng với Bất khổ bất lạc thọ và một phần của Chi đi cùng không phải là Thọ. Hoại khổ thâm nhiếp toàn phần của mười Chi và một phần trong chi Thọ, đó là Lạc thọ, trừ ra Khổ thọ trong chi Thọ và chi Lão tử. Khổ khổ thâm nhiếp toàn phần của mười một Chi và một phần trong chi Thọ, đó là Khổ thọ. Hành khổ thâm nhiếp Hoại khổ và Khổ khổ, đều là Hành khổ. Hoặc có lúc Hành khổ mà không do hai Chi thâm nhiếp, đó là Bất khổ bất lạc thọ. Vì thế cho nên Hành khổ thâm nhiếp tất cả mười hai Chi.” Luận Duy Thức quyển thứ tám cũng giống với cách nói này. Hai-Tùy tương tăng hiển môn, như trong kinh này nói, nghĩa là: Năm Chi đầu chuyển đổi hiện rõ lẫn nhau, cho nên nói là Hành khổ; hai chi Xúc-Thọ tiếp xúc so sánh sinh ra khổ, cho nên nói là Khổ khổ; còn lại là Hoại khổ, chỉ hủy hoại về Lạc gọi là Hoại khổ. Chi Lão tử đã không có Lạc có thể hủy hoại, vì sao gọi

là Hoại khổ? Giải thích: Hoại khổ có hai: a) Hủy hoại niềm vui là khổ, hưởng về thụ động hủy hoại mà nói; b) Bởi vì hủy hoại là khổ, cho nên nói là Hoại khổ. Chi Lão tử này có thể hủy hoại sự sống, cho nên thuộc về Hoại khổ. Vẫn còn lại có thể biết.

2) Dựa theo chán ngán lia xa hữu vi: Luận chủ nói trong sáu loại quán về Thế đế, đây là loại thứ năm, gọi là quán về không chán ngán và chán ngán, nghĩa là phạm phu không chán ngán, Bồ-tát luôn luôn chán ngán, cho nên nói là không chán ngán và chán ngán; đây là dựa theo Khổ thô thiển. Lại nữa, Nhị thừa không chán ngán, Bồ-tát luôn luôn chán ngán; đây là dựa theo Khổ vi tế, cho nên nói là đủ loại Khổ vi tế. Bởi vì phân biệt như vậy đều là Khổ, và chán ngán đủ loại Khổ thô thiển, thì Nhị thừa đã chán ngán, Bồ-tát cũng chán ngán. Lại cũng có thể vi tế ở trước là Hành khổ, thô thiển ở đây là Khổ khổ và Hoại khổ.

3) Phân biệt dựa theo Đại Bi tùy thuận: Xót thương các ngoại đạo không thông hiểu chân lý mà cầu giải thoát quái lạ. Chân thật giải thoát có bốn loại, nêu ra Chánh để hiển bày về Tà: Một: Tướng lia xa tất cả Khổ là Lạc đức của Niết-bàn; Hai: Tướng vô vi là Thường đức; Ba: Tướng lia xa nhiễm là Tịnh đức; bốn-Tướng xuất thế là Ngã đức. Kinh Niết Bàn nói: “Đối với pháp thế gian tự tại xa rời gọi là Ngã.” Nói “Bỉ chư Hành khổ...” trở xuống là phân rõ Tà khác với Chánh, văn kinh ở bốn đoạn sau đều phối hợp làm một nghĩa, nay ở đây là phần đầu. Nói sự Khổ theo đuổi cho đến Vô sắc cũng có ràng buộc, là nêu ra ba Khổ này rõ ràng mà ngoại đạo ấy cầu Phi tướng... cho là Niết-bàn, Bồ-tát quán sát đều là mười hai duyên sinh, pháp của ba Khổ sao có nghĩa về Lạc đức của Niết-bàn, vì vậy thuận theo khởi lên tâm Bi.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Đây là quán thứ bảy về Tăng thượng mạn và không phải Tăng thượng mạn tin tưởng tiến vào, hàng Thanh văn không thấu hiểu về Khổ vi tế tự nói là không có Khổ gọi là Tăng thượng mạn, nhưng thấu hiểu về Khổ thô thiển không phải Tăng thượng mạn. Nêu ra điều này khiến cho Nhị thừa ấy tin tưởng tiến vào sự Khổ vi tế thuộc duyên sinh của Đại thừa. Bồ-tát soi chiếu điều này cho nên gọi là quán. Từ “Bất như thật tri...” trở xuống là giải thích về tướng của Mạn thành tựu, một môn này trước đây dựa theo Đại Bi để giáo hóa ngoại đạo, nay dựa vào Đại Trí để thâm nhiếp Nhị thừa, bởi vì văn hàm chứa nhiều ý, cho nên Luận chủ khéo léo chọn lấy.

Trong Môn thứ tám: Nhân duyên dấy khởi, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh: Lý thật thì Vô minh hưởng về Hành không có

nghĩa của Nhân duyên, nhưng nói Nhân duyên sinh Hành thì có hai nghĩa: a) Tự chủng tử làm nhân, Vô minh làm duyên, hợp lại mà nói cho nên gọi là Nhân duyên, nhưng ẩn kín chủng tử gần gũi ấy để hiển bày về duyên thù thắng này, cho nên nói là Nhân duyên của Vô minh. b) Chỉ riêng Tăng thượng duyên ấy hướng về quả Tăng thượng của mình, vẫn là nhân gần gũi, cho nên nói Vô minh làm Nhân duyên của Hành, các Chi còn lại cũng như vậy. Muốn trình bày về quả không tự khởi lên mà chủ yếu thuận theo Nhân duyên, Nhân duyên so sánh làm mất đi hoàn toàn không có tánh, vì vậy nói Nhân duyên sinh ra mới hiển bày về không có sinh ra. Đây hẳn còn là quán thuận. Quán nghịch thì cùng phai mờ không phải sinh ra-không sinh ra, có thể biết.

2) Dựa theo chán ngán lià xa hữu vi: Trong sáu môn quán về Thế đế, đây là môn thứ sáu, gọi là quán sâu xa. Trong quán sâu xa này thấu nhiếp ba môn sau hợp lại thành bốn câu: a) Không tự mình sinh ra; b) Không từ nơi khác sinh ra; c) Không cùng sinh ra; d) Không phải không có nhân sinh ra.

Giải thích về bốn câu này, các luận không giống nhau, sơ lược có năm thuyết:

Một: Dựa theo phá bỏ ngoại đạo: a) Các pháp không sinh ra từ tự tánh của Đế tối tăm, cho nên nói là không tự mình sinh ra; b) Không sinh ra từ Phạm Thiên-Tự Tại Thiên... cho nên nói là không từ nơi khác sinh ra; c) Cũng không phải vì trần Đại chủng hòa hợp sinh ra, cho nên nói là không cùng sinh ra; d) Cũng không phải không có nhân tự mình mà khởi lên, cho nên nói là không phải không có nhân sinh ra.

Hai: Dựa theo phá bỏ Nhị thừa: a) Các pháp không nhất định sinh ra từ nhân Đồng loại của mình, cho nên nói là không tự mình sinh ra; b) Không nhất định sinh ra từ nhân Dị thực ấy, cho nên nói là không từ nơi khác sinh ra; c) Lại cũng không phải nhân Câu hữu ấy sinh ra, cho nên nói là không cùng sinh ra; d) Trong Tiểu thừa chấp nhận trước chi Vô minh, tư duy không chính xác, dựa vào hư vọng mà khởi lên, tựa như không có nhân, nay cũng không như vậy, cho nên lià xa không có nhân.

Ba: Dựa theo pháp hiển bày về Không: a) Quả không tự mình khởi lên, gọi là không tự mình sinh ra; b) Tự mình đã không tồn tại thì hướng về đâu để phân rõ nơi khác, vả lại nơi khác cũng nói là tự mình, đều không trở thành tự mình, thì thế nào là từ nơi khác sinh ra, cho nên nói là không từ nơi khác sinh ra; c) Nhân quả tự mình và nơi khác, tất cả đã không thành tự, cho nên nói là không cùng sinh ra; d) Tách rời

ngoài Nhân duyên không có pháp của quả riêng biệt, cho nên nói là không phải không có nhân sinh ra.

Ba lớp trên đây như luận Bát Nhã Đăng và Trung Luận... giải thích.

Bốn: Dựa theo Nhân duyên so sánh làm mất đi, luận Đối Pháp nói: “Tự chủng tử phát sinh cho nên không từ nơi khác, cần đến nhiều duyên cho nên không phải tự mình dấy lên, không có tác dụng cho nên không cùng sinh ra, có công năng cho nên không phải không có nhân. Tất cả các duyên khởi chỉ mất đi hai câu đã là rất sâu xa, hướng hồ mất đi toàn bộ bốn câu, vì thế cho nên duyên khởi vô cùng sâu xa.

Năm: Dựa theo môn Duyên khởi vô ngại: a) Chỉ Nhân duyên sinh ra quả, Nhân duyên hưởng về với nhau đều có hai nghĩa: 1) Hoàn toàn có lực; 2) Hoàn toàn không có lực, nghĩa là Nhân hưởng về quả có lúc hoàn toàn không sinh ra, Duyên nhất định hoàn toàn sinh ra, cho nên nói là Nhân không sinh ra mà Duyên sinh ra. b) Duyên hưởng về quả cũng hoàn toàn không sinh ra, Nhân nhất định hoàn toàn sinh ra, cho nên nói là Duyên không sinh ra mà tự Nhân sinh ra. c) Hai lực không đi cùng, cho nên không cùng sinh ra. d) Cả hai không có lực cũng không đi cùng, cho nên không phải không có nhân sinh ra.

Môn này có hai nghĩa: Một: Dựa vào Lực đầy đủ về nghĩa có và không có mà khiến cho hòa vào với nhau, nghĩa là lúc Nhân có lực thì Duyên nhất định không có lực, vì vậy nhờ vào Nhân có lực cho nên có thể thâm nhiếp nơi khác, nhờ vào Duyên không có lực cho nên có thể hòa vào nơi khác, hợp với lực của Duyên ấy, toàn bộ đưa về lực của Nhân, gọi là không từ nơi khác sinh ra. Tuy nói không từ nơi khác mà trái lại hiển bày về tự mình sinh ra, lực của Nhân đưa về Duyên không tự mình cũng như vậy, ngược lại với trước mà suy nghĩ. Bởi vì hai có lực-hai không có lực, tất cả không đi cùng, cho nên không có đối phương không hòa vào nhau; một có lực-một không có lực đưa về với nhau, cho nên luôn luôn hòa vào nhau. Bởi vì không chướng ngại lẫn nhau, Tăng thượng duyên rộng rãi, cho nên tất cả các pháp không có pháp nào không hòa vào nhau. Phẩm Thập Nhân nói: Bồ-tát khéo léo quán sát về pháp duyên khởi, ở trong một pháp hiểu rõ về rất nhiều pháp, trong rất nhiều pháp hiểu rõ ràng về một pháp, bởi vì dựa vào môn này. Hai: Dựa vào Thể có nghĩa về Không và Bất Không, cho nên có ngay trong nhau, nghĩa là không phải lực của Nhân thẳng thắn đưa về Duyên, là trình bày về hòa vào với nhau; cũng chính là Thể của Nhân, nhờ vào Duyên hiển bày về tánh Không của Nhân, thâm nhiếp cùng với Duyên. Nguyên

có thể nào? Nghĩa là nếu không có Duyên thì không có Nhân, bởi vì sinh ra quả gọi là Nhân, không có Duyên thì quả không sinh ra, lúc này không gọi là Nhân. Biết rõ ràng Nhân này hợp lại đưa về Duyên ấy, bởi vì không tự mình sinh ra, cho nên Duyên là nghĩa về Hữu, không có gì không chủ động thâm nhiếp; Nhân là nghĩa về Không, không có gì không thụ động thâm nhiếp. Nhân thụ động thâm nhiếp cho nên loại bỏ mình giống với Duyên; Duyên chủ động thâm nhiếp cho nên thâm nhiếp Nhân giống với mình. Còn lại Nhân thâm nhiếp Duyên, Thọ... đều dựa theo suy nghĩ có thể biết. Dựa vào nghĩa này cho nên các pháp ngay trong nhau không có gì chướng ngại.

Văn trên nói: Biết một tức là nhiều, nhiều tức là một... đều là nghĩa này, vì thế cho nên không cùng tận, pháp Đại duyên khởi vô ngại tự tại đều từ môn này mà tách ra rõ ràng. Trong này nói bởi vì Vô minh mà các Hành sinh ra, luận về kinh nói Vô minh là nhân duyên sinh ra Hành, làm sáng tỏ về Nhân khởi lên Quả, rõ ràng không phải từ nơi khác làm ra. Nói nhân duyên có thể sinh ra Hành, rõ ràng Quả dựa vào Nhân hiển bày chứ không phải tự mình làm ra. Lại bởi vì Vô minh là nhân tự nhiên của Hành, cho nên không phải từ nơi khác làm ra. Cũng trước là ở trong Vô minh không có Thể của Hành, sau lại sinh ra Hành cho nên không phải tự mình làm ra. Còn lại cũng như vậy, dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Trong một môn này, Luận chủ tách ra làm hai câu không tự mình-không nơi khác.

3) Phân biệt dựa theo Đại Bi: Trong đó trình bày về các ngoại đạo cầu giải thoát quái lạ, hiển bày các ngoại đạo đã cầu Phi tướng thiên... cho là Niết-bàn, Bồ-tát quán sát về cõi ấy, chỉ là pháp duyên sinh của chi Hữu chứ không phải là Thường đức thuộc Niết-bàn, vì thế cho nên Bồ-tát tùy theo khởi lên Đại Bi.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Ở trong chín môn, lấy hai môn thứ tám-thứ chín hợp lại làm một quán về Vô thí. Viễn Công nói: “Chính là quán về Chân đế, thấy duyên tích tập của pháp, không có tánh ban đầu, cho nên gọi là Vô thí.” Nay nói Nhân duyên dấy khởi các pháp đích thực không có nguồn gốc ban đầu, dựa vào bắt đầu dấy khởi cho nên nói là Vô thí. Trong kinh Duy Ma dựa vào không có chỗ trú ban đầu mà thiết lập tất cả các pháp, giống với nghĩa này. Thời gian giữa sinh ra cho nên thời gian sau sinh ra, là nêu ra pháp để giải thích về thành tựu, nghĩa là Duyên này sinh ra tức là không sinh ra, cho nên gọi là Vô thí, đó gọi là pháp mà Đại Trí đã nhận biết.

Môn thứ chín: Nhân duyên ràng buộc lời nói, có bốn môn giống

như trước:

1) Dựa theo kinh: Nhân duyên này sinh ra ràng buộc, nghĩa là duyên khởi này ràng buộc giữ chặt lẫn nhau không được là sinh, bởi vì ràng buộc này cho nên lại không phải là diệt. Dùng một chữ Phược ấn vào Thể của pháp này lìa xa những phân biệt, như vậy tướng ràng buộc của duyên khởi cũng lìa xa. Dựa vào lời nói để hiển bày cho nên nói là ràng buộc lời nói, là trình bày về ràng buộc này chỉ ở trong lời nói. Môn này hiển bày về sự tướng của pháp duyên khởi, hướng đến tận cùng lý tánh mong muốn làm rõ về nơi hết sức vi diệu. Luận nói: Quán tùy thuận Thể để thì tiến vào Đệ-nhất-nghĩa-đế, là môn này. Văn giải thích có thể biết.

2) Dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Trong bốn môn quán sâu xa, đây là môn thứ ba không cùng nhau dấy lên. Nói không phải cả hai dấy lên, hoặc là Nhân làm tự mình, lấy Duyên làm nơi khác; hoặc là Quả làm tự mình, lấy Nhân Duyên làm nơi khác, bởi vì đây là hai loại tự mình và nơi khác đều không dấy lên. Nếu tự mình và nơi khác đều không dấy lên, thì đâu có thể làm Duyên sinh? Vì giải thích về nghi ngờ này, cho nên nói là chỉ tùy thuận với sinh, nghĩa là tùy theo Tục mà nói sinh, lý thật thì không có sinh.

Nói là bởi vì không biết gì, Viễn Công giải thích: “Đây là riêng biệt giải thích về không phải nơi khác, bởi vì không có Ngã nhận biết mà có thể tạo tác. Lúc dấy lên không tồn tại, là riêng biệt giải thích về không phải tự mình, rõ ràng lúc Vô minh ấy dấy lên Hành, không có tự tánh của Hành, trú vào lúc dấy lên ấy, trở lại khởi lên Hành sau, cho nên nói là lúc dấy lên không tồn tại.” Nay Lại giải thích: Vào lúc Nhân đang có lực thì Duyên nhất định không có lực, không có thể nhận biết lẫn nhau, cho nên nói là bởi vì không biết gì. Đây là Nhân Duyên không cùng lúc khởi lên quả, gọi là lúc dấy lên. Đối với Nhân-đối với Duyên quả thực không có gì trú vào, cho nên nói là không tồn tại. Đây là nhân quả không cùng nhau. Lúc đang dấy lên quả, lúc này dấy lên không trú vào Nhân, không trú vào Duyên, cũng không trú vào quả, cho nên nói là lúc dấy lên không tồn tại. Nghĩa này chính là nghĩa về ràng buộc trong kinh, có thể biết.

3) Phân biệt thuận theo Đại Bi: Nghĩa là các ngoại đạo cầu giải thoát quái lạ, lấy Phi tướng... làm Niết-bàn, Bồ-tát quán sát về cõi ấy, chỉ là chi Hữu chứ không phải lìa xa ràng buộc của nhiễm, mất đi đấng Chân Tịnh của Niết-bàn, cho nên sinh tâm Đại Bi, vì vậy nói là như vậy lại nhiễm theo sinh ràng buộc.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Trong quán Vô thủ gọi là tùy thuận ràng buộc, nghĩa là sinh diệt chỉ có ràng buộc, bởi vì tùy thuận không có nguồn gốc.

Trong Môn thứ mười: Quán sát hoàn toàn không có gì, có bốn môn giống như trước:

1) Dựa theo kinh: Trình bày về tướng hư vọng của chi Hữu này tướng đã hết, tùy thuận không hề có gì, thấu suốt đến Đệ-nhất-nghĩa. Đây là hiển bày về không làm hỏng Tục mà luôn luôn Chân, cho nên nói là Vô minh làm nhân duyên phát sinh các Hành, là tùy thuận không hề có gì.

Hỏi: Vô minh sinh Hành là thuận theo tất cả, vì sao lại nói là thuận theo không hề có gì?

Đáp: Nương theo các môn trước, lần lượt đến nơi này, hiển bày lúc Vô minh ấy đang sinh ra Hành thì thuận theo không có sinh tiến vào lý, ý kinh là như vậy.

Hỏi: Quán thuận đã như vậy, quán nghịch lại là thế nào?

Đáp: Sinh đã không còn tánh, thì tất cả và không hề có gì đều lìa xa, cho nên nói là lời nói quán sát tùy thuận hoàn toàn không hề có gì. Nghĩa về lời nói giống như trước, suy nghĩ chọn lấy ý đó.

2) Dựa theo chán ngán lìa xa hữu vi: Trong đó gọi là môn thứ tư không phải không có nhân dấy lên. Vốn là tùy thuận có, vì sao trong kinh thuận theo không có, luận gọi là thuận theo có? Giải thích: Ý kinh lấy Duyên đưa về Lý mà nói, ý luận lấy Tánh thuận theo Tướng mà nói, đều làm rõ về nghĩa riêng biệt, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Lại giải thích: Trong luận thuận theo có, ý hiển bày về không có sinh, cho nên cùng với ý kinh cũng không sai khác.

Sau là riêng biệt phá bỏ về không có nhân: a) Phá bỏ từ trước đến sau, nghĩa là bởi vì thuận theo thường sinh; b) Phá bỏ làm mất đi, nghĩa là bởi vì luôn luôn không sinh; c) Từ “Thử phi Phật pháp...” trở xuống là phá bỏ về chỉ trích chất vấn, nghĩa là nói không có nhân chính là tà kiến lớn nhất. Từ “Nhược nhĩ...” trở xuống là kết luận không phải không có nhân. Từ “Thị danh...” trở xuống là giải thích về nội dung tổng quát kết luận. Nói về Tướng Đế, Tướng là tướng giải đáp về Thành trước đây, Đế là hai Đế sai biệt trước đây.

3) Phân biệt thuận theo Đại Bi: Nghĩa là các ngoại đạo cầu giải thoát quá lạ lấy làm Niết-bàn, Bồ-tát quán sát về điều ấy, là pháp của ba cõi thuộc về 12 Chi, tùy thuận phát sinh mong cầu, tùy tiện chọn lấy Vô sắc cho là giải thoát, mất đi Ngã đức của Niết-bàn xuất thế gian,

Bồ-tát thương xót cho loại này mà thuận theo khởi tâm Đại Bi.

4) Dựa theo Trí phân biệt tất cả các tướng: Đây là môn thứ chín, gọi là quán về đủ loại, nghĩa là tướng sai khác của ba cõi, đều có nhiều chủng loại hình dáng, cho nên nói là đủ loại. Từ “Tùy thuận...” trở xuống là giải thích làm rõ về tướng ấy. Đây là cảnh thế tục của ba cõi, Đại Trí soi chiếu cảnh này cho nên lấy làm môn.

Trên đây là giải thích riêng biệt về mười môn, xong.

Hai từ “Như thị thuận nghịch...” trở xuống là tổng quát kết luận về mười chương. Đã nói về mười loại thuận-nghịch, biết rõ ràng trong 10 môn trước đều có thuận-nghịch, trong văn trước có nơi không có quán nghịch là bởi vì tóm lược. 1) Nêu ra thứ tự chi Hữu; 2) Thân nhiếp đưa về một tâm; 3) Lực và Dụng phát sinh lẫn nhau; 4) Trước và sau hệ thuộc với nhau; 5) Ba đường xoay vòng qua lại; 6) Nhân quả ba đời; 7) Lỗi lầm của ba Khổ; 8) Thuận theo nhân không có tánh; 9) Tựa như có tựa như không có; 10) Phai mờ cùng bình đẳng. Phối hợp kết luận về mười văn trước đây, đều có thể thấy. Giải thích về hạnh không trú vào đạo, xong.

Trong đoạn lớn thứ ba về quả thù thắng ấy, văn riêng biệt có hai: Đầu là quả của công hạnh; sau là quả của phần vị.

Trong phần đầu, luận phân có năm: Một: Đạt được hành đối trị và lìa xa chướng, là quả thuộc đối trị về Mạn hơn hẳn trước đây. Hai: Đạt được tu hành thù thắng, là quả thuộc hạnh không trú vào đạo trước đây. Ba: Đạt được Tam-muội, hướng về đối trị thù thắng trước đây mà nói đến quả, nghĩa là tu ba giải thoát trước đây mà nói về đối trị, đối trị ấy chuyển sang tăng lên gọi là Tam-muội thù thắng. Bốn: Tâm bất hoại, là hướng về lìa xa chướng trước đây mà nói đến quả, bởi vì diệt trừ chướng, cho nên tâm Tam-muội không có thể phá hoại, gọi là tâm bất hoại. Năm: Tự tại lực, là hướng về tu hành trước đây mà nói đến quả, nghĩa là dựa vào tu hành trước đây tiến lên vô ngại, gọi là tự tại lực.

Sau trong giải thích riêng biệt, giải thích năm văn này tức là năm đoạn:

Ngay trong đoạn thứ nhất, có hai: Trước là trình bày về đối trị thù thắng; sau là hiển bày về lìa xa chướng.

Trong phần trước giải thích về nghĩa của ba Giải thoát môn, tóm lược đưa ra năm môn: 1) Tên gọi và Thể; 2) Tướng của hành; 3) Đối trị về chướng; 4) Thân nhiếp hành; 5) Sai biệt. Như nói riêng biệt.

Từ “Thị Bồ-tát tùy thập nhị nhân duyên...” trở xuống là chính thức hiển bày về chi Hữu thuộc mười môn trước đây, đều có ba môn quán

Không này.

Một là trình bày về Không môn, trong luận phân ba: 1) Thấy chúng sinh Vô ngã. 2) Tự tánh Không, là thấy pháp Vô ngã, trong kinh tóm lược không có câu này. 3) Hai loại ấy dấy lên không có, bởi vì thấy không có gì dấy lên. Nghĩa là hai câu trước hiển bày về Thể Không của hai Ngã, một câu sau hiện rõ Dụng Không của hai Ngã, cũng ngay hai câu trước là Vô ngã, câu sau là không có Ngã sở. Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận, có thể biết.

Hai từ “Diệt trừ chướng...” trở xuống là trình bày về Vô tướng môn, cũng có ba nghĩa:

1) Diệt trừ chướng, là quán về tự tánh diệt của chi Hữu ấy, cho nên nói là sự việc này diệt trừ.

Hỏi: Vô ngã ở đây và Vô ngã ở trước khác nhau thế nào? Đáp: Trước đây dựa vào các pháp để trình bày về Vô ngã, trong này muốn loại trừ tâm chủ động giữ lấy tướng, cho nên không giống nhau.

2) Đạt được đối trị, là thường giải thoát hiện rõ trước mắt, trong kinh tóm lược không có câu này.

3) Tướng của Niệm không hiện hành, là thấy ở nơi nhân duyên, không có tướng của một pháp nào có thể sinh ra, cho nên nói là còn lại không nối tiếp nhau.

Viễn Công nói: “Trong ba nghĩa này: Một: Diệt trừ chướng là mất đi tâm giữ lấy tánh; Hai: Đạt được lý là đối trị; ba-Tâm giữ lấy tướng diệt đi, bởi vì không thấy một pháp nào sinh ra. Lìa xa tâm phân biệt giữ lấy tướng, trước đây diệt trừ giữ lấy tánh không giống như phàm phu, nay lìa xa giữ lấy tướng không giống như Nhị thừa.” Ba từ “Tri trừ nhị...” trở xuống là trình bày về Vô nguyện môn, cũng có ba: 1) Hai loại trước tức là chỗ dựa của Vô nguyện, cho nên nói là Y chỉ. 2) Lại không vui với Hữu, là hiển bày về Thể của Vô nguyện, cho nên nói là Thể tánh. 3) Chỉ riêng Đại Bi... thù thắng vượt khỏi Nhị thừa, cho nên nói là thù thắng.

Trong phần sau từ “Bồ-tát tu hành...” trở xuống là trình bày về lìa xa chướng thù thắng: 1) Lìa xa Ngã... ấy, là do Không môn mà lìa xa. 2) Lìa xa Hữu tướng, là do Vô tướng môn mà lìa xa. 3) Lìa xa Vô tướng, là do Vô nguyện môn mà lìa xa, cho nên nói là lìa xa tướng có và không có. Bởi vì không giữ lấy Vô tướng, cho nên nói là Vô nguyện. Kinh khác nói là bởi vì Vô tướng cho nên không có nguyện cầu điều gì, là nói về nghĩa này.

Trong luận từ “Như thị thứ đệ ư ngũ địa...” trở xuống là nêu ra thua

kém để hiển bày về thù thắng. Một: Nêu ra Địa thứ năm để hiển bày về lìa xa Ngã thù thắng của Không môn này. Văn này trái lại, nếu đích thực thì nên nói bởi vì mười tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng cho nên xa rời, tức là xa rời Ngã mạn về thân thanh tịnh thuộc Địa thứ tư. Nay dùng Không sâu xa diệt trừ hai Ngã ấy, cho nên Địa này là thù thắng. Hai: Nêu ra lìa xa chướng thuộc Địa thứ tư, làm rõ về lìa xa tạo tác và nhận lấy thù thắng trong văn này. Ba: Địa thứ sáu này... nêu ra mười xứ bình đẳng bắt đầu Địa này phá bỏ về có-không có... hiển bày về Địa hiện tại đầy đủ Vô tướng-Vô nguyện, phá bỏ có-không có, tất cả đều hết sạch, cho nên nói là thù thắng.

Đoạn thứ hai từ “Bi tâm...” trở xuống là trình bày về tu hành thù thắng, có hai: Trước là đích thực tu hành; sau là hiển bày về tu thù thắng.

Trong phần trước cũng có hai: Một: Phát khởi dũng mãnh tu hành, nghĩa là đoạn tuyệt quan hệ bắt đầu tu. Hai: Từ “Bồ-tát như thị tri...” trở xuống là trình bày về tu hành theo chí trượng phu, nghĩa là quả quyết tu đến cuối cùng thành tựu.

Trong phần một cũng có hai: Trước là tâm tu hành, nghĩa là dùng ba Không để quán sát về chi Hữu ấy, xót thương các chúng sinh ở trong đó mà không hiểu biết, cho nên nói là tâm Bi càng tăng thêm. Nhờ vào Bi tăng lên là tâm Lợi tha, chưa đầy đủ Bồ-đề... là tâm Tự lợi. Sau trình bày về tu hành thù thắng, trong đó có hai: Một: Tu về Trí không đắm vào Hữu vi. Hai: Từ “Hóa chúng sinh...” trở xuống là tu về Bi không trú vào Vô vi.

Trong mục một cũng có hai: Trước là nhận biết, sau là chán ngán.

Ngay trong mục trước là nhận biết, nghiệp-phiền não phát sinh, hội tụ-phân tán, đầy đủ-thiếu hụt, có tăng-có giảm. Phần sau là đã nhận biết pháp này có là lỗi lầm tai họa, thì sinh lòng chán ngán lìa xa không nên khiến cho hội tụ, vì vậy nói là mình nhận biết về hữu vi... Do đó luận nói nhận biết về pháp hữu vi nhiều lỗi lầm, xa rời phát sinh nghiệp-phiền não... Mục hai là tu về Bi giáo hóa chúng sinh, có thể biết.

Trong phần hai là tu hành theo chí trượng phu, cũng có hai: Trước là Trí, sau là Bi.

Trong Trí, luận nói quán sát chán ngán đối đãi, hữu vi gọi là đối đãi. Quán sát thấy nhiều lỗi lầm, là trở lại giải thích về thành tựu. Diệt trừ đối đãi, là trình bày về tánh hữu vi diệt mất, cho nên nói là không có

tánh... Cùng với Đại Bi... là trình bày tu về Bi có thể biết.

Phần sau từ “Tắc đắc vô ngại...” trở xuống là trình bày về tu hành thù thắng, trong đó có hai: Một: Tướng thù thắng hiện rõ trước mắt. Luận nói tùy thuận Trí và Đại Bi thù thắng, là nhắc lại trong hai hành trước đây đều có Bi-Trí, có thể thuận theo phía trên. Dựa vào Bát-nhã hiện rõ trước mắt không trú vào đạo vô ngại, là trình bày dựa vào Bi-Trí trước đây không trú vào đạo, khiến cho ánh sáng của Trí vô ngại ở Phật địa hiện rõ trước mắt. Nhận biết Hữu vi và Niết-bàn bình đẳng, là giải thích về nguyên cớ không trú vào của Bi-Trí. Không cùng trú vào, là giải thích về nghĩa của không trú vào, nghĩa là Trí không trú vào cùng pháp Hữu vi, cho nên nói là mà cũng không trú vào... Lại Bi không trú vào cùng pháp Vô vi, cho nên nói là cũng không trú vào trong đó... Bởi vì hành trợ đạo ấy không đầy đủ, là giải thích về không trú vào việc đã làm, làm đầy đủ về Trí trợ đạo mà không trú vào Hữu vi, làm đầy đủ công đức trợ đạo mà không trú vào Vô vi, cho nên nói là mong muốn đầy đủ...

Đoạn thứ ba từ “Bồ-tát trú hiện tiền địa...” trở xuống là trình bày về Tam-muội thù thắng, trong đó có hai: Trước là trình bày về Không Định; sau là hiển bày về hai loại còn lại.

Trong phần trước: Một: Nêu ra mười Không đứng đầu; Hai: Kết luận về nhiều môn. Trong này là một vạn, luận về kinh nói là trăm ngàn vạn.

Trong phần một là mười Không, luận thâm nhiếp làm bốn: 1) Quán là quán giải. 2) Không phóng dật, là dựa vào hiểu biết mà phát khởi thực hành lìa xa lỗi lầm làm tên gọi. 3) Đạt được tăng thượng, là nhờ vào tu mà thành tựu đức, đạt được công đức bậc Thượng. 4) Nhờ vào sự, là dựa vào đức mà khởi lên Dụng, Tam-muội là căn bản của Đại Dụng, cho nên gọi là nhờ vào sự.

Trong phần một trừ ra Tam-muội thứ tư, còn lại năm loại gọi là Quán: Một: Quán về Sinh Không; Hai: Quán về Pháp Không; Ba: Kết hợp chọn lấy hai Không gọi là Đệ-nhất-nghĩa; Bốn: Dựa vào Thức vốn có quán về hai loại trong Như Lai Tạng, là Không Như Lai Tạng, cho nên nói là Đại Không; Năm: Quán về bảy Chuyển thức, không lìa xa Như Lai Tạng, hòa hợp mà dậy khởi, đều không có tự Thể, cho nên nói là Hợp Không. Kinh Lăng Già nói: “Bảy Thức cũng như vậy, tâm cùng hòa hợp sinh.” Lại nói: “Không hoại tướng có tám, Vô tướng cũng Vô tướng.” Là nói đến nghĩa này.

2) Không phóng dật, phân biệt khéo léo tu tập là Tự phần, tu hạnh

không hề chán ngán là Thắng tiến, cả hai tu tập đầy đủ cho nên nói là đến cuối cùng.

3) Đạt được công đức tăng thượng, đức thù thắng dựa vào Không mà sinh khởi hiện rõ trước mắt, cho nên nói là Sinh Không.

4) Nhờ vào sự, là ba Tam-muội còn lại: a) Dựa vào Không Định này khiến cho Trí chướng thanh tịnh, nhờ vào sự việc này cho nên gọi là như thật lìa xa hư vọng; b) Dựa vào Không dấy khởi Bi không rời bỏ chúng sinh, cho nên luận về kinh gọi là không rời bỏ Không; c) Dựa vào Tam-muội Không, nguyện ở trong các cõi xa lìa nhiễm trước, gọi là lìa xa phân biệt, nhưng tùy thuận có lúc lìa xa không phân biệt. Văn còn lại có thể biết.

Đoạn thứ tư từ “Thị Bồ-tát trú hiện tiền...” trở xuống là trình bày về đạt được quả của tâm bất hoại. Trong mười câu: Một câu đầu là tổng quát, tâm sâu xa là sâu xa tận cùng khó lay động; luận về kinh nói là tâm bất hoại, nghĩa là kiên cố không lui sụt. Chín câu còn lại là riêng biệt: 1) Quán xét đích thực đối với lý; 2) Hành có thể tiếp nhận điều phục; 3) Có thể không kinh sợ đối với nơi bí mật rất sâu xa; 4) Tự phần không thay đổi; 5) Thắng tiến không ngừng nghỉ; 6) Không ganh với đức của người khác, không phá giới của mình, hai hạnh đều thanh tịnh cho nên nói là tâm rộng rãi; 7) Từ lợi ích cho tất cả chúng sinh; 8) Cầu Trí của Địa trên; 9) Khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Đoạn thứ năm từ “Như thị đẳng tâm...” trở xuống là trình bày về lực tự tại thù thắng, trong đó có ba: Trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong phần trước là tổng quát: Những tâm như vậy, là đạt được Bát-nhã. Tăng trưởng càng thù thắng, là lực của hành thù thắng. Tùy thuận Bồ-đề, là có thể tiến sâu vào.

Tiếp là Lực thù thắng có chín, dựa vào tổng quát tách ra riêng biệt: 1) Lực điều phục phía dưới; 2) Lực hiểu biết phía trên; 3) Lực rời bỏ Tiểu thừa; 4) Lực tin tưởng sâu sắc; 5) Lực phá dẹp ma; 6) Lực đối trị mê hoặc; 7) Lực đối trị khắp nơi; 8) Lực khéo léo giáo hóa; 9) Lực đối trị chướng ngại. Đều như luận phân rõ.

Sau từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là kết luận, có thể biết.

Trong phần sau từ “Bồ-tát trú hiện tiền...” trở xuống là trình bày về quả của phần vị, trong đó có ba quả giống như trước.

Ngay trong Điều nhu, có ba:

Một: Trong hạnh Điều nhu lắng nghe tiếp nhận Chánh pháp. Như thuyết thực hành, luận về kinh nói đạt được Tam-muội Tuệ Quang. Giải

thích: Bởi vì đạt được Nghĩa Trì có thể như thuyết thực hành. Nhờ vào sự ấy, là nhờ vào sự việc thuộc Nghĩa Trì ấy, vì thế cho nên nói đến ở đây. Dựa vào Tam-muội thù thắng đạt được Xa-ma-tha, là Tam-muội Như Thật trước đây; Tỳ-bà-xá-na là ánh sáng của trí tuệ thù thắng trước đây. Thực hành công hạnh rồi ghi nhớ giữ gìn, là có thể giữ gìn công hạnh ấy trong sự thanh tịnh đã luyện tập. Nói người này cho đến sáng ngời, thoát khỏi chướng ngại ấy, là giải thích về thanh tịnh luyện tập. Chứng được nghĩa ấy, là giải thích về nhận biết pháp tạng của Phật. Trong giải thích về dụ: Tăng thượng về Trí xuất thế gian, là hiển bày về Thể thanh tịnh của Chứng Trí. Ánh sáng rực rỡ càng thêm thù thắng, là nêu rõ ràng về Dụng thù thắng để hiển bày về Thể. Dùng ánh sáng thù thắng của Trí về Giáo để hiển bày Trí về Chứng cũng tăng thượng. Cho đến dùng Trí phương tiện... là giải thích về văn kết hợp với dụ. Bát-nhã vô ngại là ánh sáng rạng ngời của trí Phật. Phương tiện là Trí không trú vào đạo trước đây.

Hai: Trong giải thích về Trí thanh tịnh thuộc Giáo, Địa trước chọn lấy dụ về vầng trăng bởi vì nhỏ bé, Địa này chọn lấy dụ về ánh trăng rộng lớn cho nên hơn hẳn Địa trước. Tùy thuận bốn Lưu là nơi hiện hành của ma, cho nên nói là đường ma; ở đây gọi là ác ma, là đạo của ma ấy.

Ba: Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về tướng Thuyết giảng. Niếp báo và Nguyện trí đều dựa theo trước, có thể biết.

Đoạn lớn thứ ba, trong phần trùng tụng có ba mươi chín tụng phân năm:

Một: Có ba kệ tụng về mười pháp bình đẳng đối trị với Mạn hơn hẳn trước đây.

Hai: Có hai mươi kệ tụng về hạnh thù thắng không trú vào đạo, trong đó: 1) Một kệ tụng về tâm bắt đầu trú vào Địa trước đây, tổng quát quán về duyên khởi. 2) Có năm kệ tụng về môn thứ nhất là quán Nhân duyên phân biệt theo thứ tự. 3) Có hai kệ tụng về quán Do một tâm thâm nhiếp. 4) Có hai kệ tụng về Tự nghiệp giúp đỡ mà thành. 5) Có một kệ tụng về Không rời xa nhau. 6) Có một kệ tụng về Ba đường không đoạn dứt. 7) Có một kệ tụng về Ba thời gian sai biệt. 8) Có một kệ tụng về Ba khổ sai biệt. 9) Có một kệ vượt lên tụng về quán Sinh ràng buộc thứ chín. 10) Có một kệ lùi lại tụng về quán Duyên khởi thứ tám. 11) Có một kệ rưỡi tụng về quán Tùy thuận hoàn toàn không có gì thứ mười. 12) Có hai kệ rưỡi tụng về kết luận tên gọi của mười môn.

Ba: Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống có 6 kệ rưỡi tụng về quả thù

thắng ấy, trong đó: Ba kệ đầu tụng về đối trị thù thắng, một kệ rưỡi tiếp theo tụng về tu hành thù thắng, nửa kệ tiếp theo tụng về Tam-muội thù thắng, nửa kệ tiếp theo tụng về tâm bất hoại thù thắng, một kệ tiếp theo tụng về lực tự tại thù thắng.

Bốn: Từ “Cúng dường...” trở xuống có tám kệ rưỡi tụng về quả của phần vị, trong đó: Bốn kệ rưỡi đầu tụng về quả Điều nhu, bốn kệ tiếp theo tụng về quả Nhiếp báo, tám kệ không tụng về quả Nguyễn trí.

Năm: Một kệ cuối cùng là tụng ca ngợi sâu xa kết luận về thuyết giảng. Giải thích về Địa thứ sáu, xong.

Địa thứ bảy là Viễn Hành Địa, cũng có bảy môn giống như trước.

Thứ nhất: Giải thích tên gọi, có ba: 1) Dựa theo giới hạn sau cùng của công dụng, luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Đến giới hạn cuối cùng thuộc công dụng của hành.” Thế Thân Giải thích rằng: “Nghĩa là trong Địa này đối với công dụng của hành có thể đến kết quả cuối cùng, tuy tất cả các tướng không có thể lay động, mà đối với Vô tướng hãy còn gọi là Hữu hành.” 2) Dựa theo hai nghĩa, kinh Giải Thâm Mật nói: “Có thể từ xa chứng nhập Vô tướng không thiếu sót-không gián đoạn, tác ý và Địa thanh tịnh cùng tiếp cận với nhau, cho nên gọi là Viễn Hành.” Giải thích rằng: Không thiếu sót-không gián đoạn mà cách xa Địa thứ sáu ở trước, kề sát Địa thanh tịnh gần gũi Địa thứ tám ở sau. 3) Dựa theo ba nghĩa, luận Thành Duy Thức nói: “Đến giới hạn sau cùng của công dụng trú vào Vô tướng, vượt qua đạo Nhị thừa thuộc thế gian, cho nên gọi là Viễn Hành Địa.” Điều này giống như luận Thập Địa. Kinh Kim Quang Minh nói: “Không lưu chuyển-không gián đoạn Vô tướng, tư duy về Tam-muội giải thoát, tu hành từ xa, là Địa thanh tịnh không có gì chướng ngại, gọi là Viễn Hành Địa.” Luận Trang Nghiêm nói: “Bồ-tát ở trong Địa thứ bảy gần với đạo Nhất thừa, cho nên gọi là Viễn Hành Địa.”

Hỏi: Thế nào là đi xa? Đáp: Công dụng phương tiện cứu cánh của Địa này có thể đi xa, bởi vì Địa này đi xa cho nên gọi là Viễn Hành Địa.

Luận Thập Trú nói: “Cách xa ba cõi, đến gần phần vị Pháp Vương, cho nên gọi là Thân Viễn Địa.” Kinh Nhân Vương gọi là Viễn Đạt Địa.

Thứ hai: Ý đưa ra cũng có ba nghĩa: 1) Trước dựa vào Nhị thừa, nay hiển bày về Bồ-tát theo thứ tự chuyển sang thù thắng, vì vậy cần

phải đưa ra. 2) Đối với quán Vô tướng, Địa trước chưa thuần thực, nay Địa này tiến vào Vô tướng thuần thực, vì vậy cần phải đưa ra. 3) Công dụng trước đây chưa đầy đủ, trong Địa này đã đầy đủ, cho nên đưa ra.

Thứ ba: Chương đã lìa xa: Dựa vào Địa Luận nói: “Lìa xa chương của tập khí thuộc về tướng vi tế.” Giải thích rằng: Bởi vì Địa thứ sáu phần nhiều quán về Hữu tướng, gọi là chương ngại do tướng vi tế; ở Địa thứ bảy hoàn toàn quán về Vô tướng, cho nên lấy đó làm chương ngại.

Luận Duy Thức nói: “Chương hiện hành của tướng vi tế, đó là một phần Câu sinh trong Sở tri chương chấp có hiện hành của tướng vi tế sinh diệt, tướng ấy chương ngại đến đạo Vô tướng vi diệu của Địa thứ bảy, lúc tiến vào Địa thứ bảy thì có thể vĩnh viễn đoạn dứt. Vì vậy Địa thứ bảy nói về đoạn bỏ hai ngu và thô nặng của nó: 1) Ngu về hiện hành của tướng vi tế, tức là ở trong này chấp có sinh thì hãy còn dẫn đến lưu chuyển, bởi vì tướng sinh vi tế; 2) Ngu về thuần tác ý cầu Vô tướng, tức là ở trong này chấp có diệt thì hãy còn dẫn đến hoàn diệt, bởi vì tướng diệt vi tế. Hoàn toàn đối với Vô tướng, tác ý chịu khó mong cầu, hạnh thù thắng chưa có thể từ trong Không mà khởi lên Hữu.” Giải thích rằng: Bởi vì Sở tri chương chấp vào duyên khởi vi tế thì Sinh là lưu chuyển-Diệt là trở lại không còn; ở Địa trước đã lìa xa tướng thô của nhiễm-tịnh thuộc về bốn Đế, cho nên lấy làm tên gọi.

Hỏi: Một ngu sau ở đây đích thực mê mờ về tướng vi tế của hoàn diệt, vì sao không gọi là ngu về hoàn diệt vi tế?

Đáp: Ngu này có hai Dụng: 1) Chấp về tướng hoàn diệt; 2) Thuần tác ý cầu Vô tướng. Tạm thời dựa vào nghĩa sau mà thiết lập tên gọi.

Lại giải thích: Tướng có hai loại: 1) Có; 2) Không có. Giữ lấy tướng không có gọi là tướng vi tế. Nếu dựa vào cách giải thích này, thì cầu Vô tướng tức là ngu.

Lương Nhiếp Luận nói: “Xưa nay Vô tướng, tư duy là phương tiện của Vô minh.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Một mực chấp trước, tư duy muốn đoạn điều chưa có được, là phương tiện của Vô minh.”

Những Thánh giáo khác, có thể dựa theo giải thích tổng quát.

Thứ tư: Pháp đã chứng: Dựa vào Nhiếp Luận: “Chứng được các loại pháp không có sai biệt của pháp giới.”

Thế Thân Giải thích rằng: “Nghĩa là ở trong này, các pháp như Khế kinh... tuy có an lập sai biệt đủ loại, mà không có gì khác nhau.”

Vô Tánh Giải thích rằng: “Pháp khác nhau đủ loại như Khế kinh... pháp này không như vậy.”

Luận Duy Thức nói: “Pháp Chân Như không có sai biệt, nghĩa là Chân Như này tuy nhiều giáo pháp, an lập đủ loại mà không có gì khác nhau.” Giải thích rằng: Nghĩa là Chân Như này tuy trong giáo pháp gọi là Pháp giới và Thật tế... an lập nhiều tên gọi mà Thể không có gì khác biệt, cho nên thiết lập tên gọi này. Lại giải thích: Từ gốc theo ngọn thì Chân Như phát sinh ra các loại giáo pháp, từ ngọn theo gốc thì các loại giáo pháp đều trở về Chân Như. Địa này và Địa thứ ba đều chứng cùng một nghĩa. Lại giải thích: Giáo pháp an lập đủ loại tùy theo căn cơ mà không mất đi một vị bình đẳng của pháp, là pháp mà Địa này đã chứng.

Luận Trung Biên nói: “Pháp giới đã chứng trong Địa thứ bảy gọi là nghĩa của đủ loại pháp không có sai biệt, do thông suốt điều này mà nhận biết về pháp Vô tướng, không thực hành đủ loại pháp tướng trong các Khế kinh...” Các bản Nhiếp Luận nói giống nhau.

Thứ năm: Hành đã thành tựu, cũng có ba loại, đó là: 1) Trong mười Độ là hành Phương tiện thiện xảo; 2) Ngay Địa này thành tựu hai hành thuộc về hạnh Vô tướng, đó là Trí phương tiện về Không phát khởi Hạnh thù thắng trong Hữu; 3) Hành không có công dụng thuộc về Học, như văn dưới đây nói, và luận Trang Nghiêm nói: “Trú thứ bảy tuy hành có công dụng, mà hướng lên trên tìm hiểu về đạo Nhất thừa, cho nên phần nhiều trú vào Vô tướng.”

Thứ sáu: Quả riêng biệt của Địa: Lương Luận nói: “Thông suốt các loại pháp không khác với pháp giới, đạt được quả Nhất thiết pháp Vô tướng.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Địa thứ bảy phát tâm đạt được Tam-muội Như Ý.”

Quả của công hạnh và quả của phân vị trong Địa này, như văn nói đến.

Thứ bảy: Giải thích văn, cũng có ba phần giống như trước:

Một: Trong phần ca ngợi thừa thỉnh có mười bốn kệ phân năm: 1) Có ba kệ của Thiên chúng cúng dường ca ngợi. 2) Có một kệ của Thiên Vương cúng dường. 3) Có một kệ rưới của những Thiên Vương khác tấu nhạc ca ngợi về pháp. 4) Có bảy kệ rưới của Thiên Nữ ca ngợi về đạt được, trong đó: Đầu là hai kệ rưới ca ngợi về lợi ích thuộc thân nghiệp của Phật, tiếp là một kệ ca ngợi về lợi ích thuộc ngữ nghiệp của Phật, tiếp là ba kệ ca ngợi về lợi ích thuộc ý nghiệp của Phật, tiếp là một kệ ca ngợi rồi đứng yên lặng chờ đợi nghe về Địa sau. 5) Một kệ cuối cùng là vị đứng đầu chúng thừa thỉnh thuyết giảng.

Hai: Trong phần chính thức hiển bày về Thể của Địa: Luận phân làm năm: 1) Phương tiện hướng về Địa là đạo Gia hạnh. 2) Bắt đầu trú vào Địa là đạo Vô gián. 3) Chính thức trú vào Địa là đạo Giải thoát. 4) Nghĩa bao gồm từ trước đến sau là thuyết giảng thuộc về Chánh Địa. 5) Địa đầy đủ là đạo Thắng tiến.

1) Đối trị về hành vui với Vô tác, trong Địa thứ sáu trước đây cảm thọ đắm theo ba Không gọi là vui với Vô tác, Địa này tùy theo có mà không đắm vào Không, cho nên gọi là đối trị, đây là mỗi một Địa đều rời bỏ pháp tu. 2) Đối trị về chướng ấy, trong gia hạnh trước đây tuy đối trị về tâm vui với Không của Địa trước, mà bởi vì có hạn lượng-có công dụng, cho nên chính là chướng ngại về sau. Vì vậy trong thời gian bắt đầu trú vào Địa, tu hạnh không có hạn lượng-không có công dụng, bởi vì là đối trị cho nên lấy làm tên gọi. 3) Hai hạnh thù thắng, chướng ngại cấu nhiễm đã loại trừ, Chỉ-Quán cùng vận dụng. 4) Trước đây Địa trên là thù thắng, Địa này có công dụng vượt quá sáu Địa trước, hơn hẳn ba Địa sau, cho nên thiết lập tên gọi này. 5) Địa đầy đủ cho nên gọi là quả của hai hành.

Sau trong phần giải thích rộng ra. Ngay trong phần thứ năm có ba: Một: Kết thúc phần trước nêu ra phần sau khuyến khích tu tập tiến vào. Hai: Chính thức hiển bày về tướng của hành. Ba: Kết luận về công năng của hành.

Trong một, luận nói Bồ-tát ấy cho đến không khởi lên hành tăng thượng, trước là tổng quát nêu ra chướng về vui với Vô tác của Địa trước, sau là trình bày về chủ động đối trị. Nói phương tiện, là không rời bỏ chúng sinh; trí về pháp Vô ngã là đối trị thâm nhiếp giữ lấy hành tăng thượng, đây là đối trị về tâm sinh khởi vui thích ở trong hành Vô tác. Khởi lên mười diệu hạnh là phát khởi hạnh thù thắng, hạnh thù thắng này thì đối với xuất thế gian và hành tăng thượng của thế gian, lại không có gì hơn được, ngay nơi Địa thứ nhất-thứ hai-thứ ba là thế gian, Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu gọi là xuất thế gian, hạnh của các Địa ấy kém hơn Địa này, cho nên nói là thù thắng. Thắng giống như Diệu.

Hai là riêng biệt giải thích về mười hạnh, mỗi một hạnh đều có Tuệ phương tiện ngay nơi Không, phát khởi hạnh thù thắng vi diệu trong Hữu.

Trong mười hạnh này, luận thâm nhiếp làm bốn: Ba loại trước đều làm một, bảy loại sau làm một, cho nên làm thành bốn.

Trong ba câu trước: Câu 1) Giống như câu thứ hai trong luận về kinh, nghĩa là bởi vì ngay nơi ba Không mà khởi lên bốn Đăng. Luận

nói nhờ vào sự bảo vệ hành ác, là nêu ra Trí phương tiện, nghĩa là Từ không não hại chúng sinh gọi là phương tiện bảo vệ hành ác, làm nhân cho hạnh này mà gọi tên. Từ “Như thị...” trở xuống là trình bày về phát khởi diệu hạnh, bởi vì ngay nơi Không mà khởi lên Bi, cho nên gọi là thực hành không hư vọng... 2) Từ “Tùy chư Phật...” trở xuống là trình bày về nhờ vào sự thù thắng của tài sản và thân tướng, là nêu ra Trí phương tiện, nghĩa là quả về tài sản vô tận-báo về thân tướng vô ngại của Bồ-tát, bởi vì không đắm vào vắng lặng mà thành tựu do phước hành, cho nên nói là phương tiện làm nhân thù thắng ấy. Tùy theo những gì cần đến là tài sản, tùy ý chọn lấy là thân tướng, nghĩa là tùy ý thọ sinh, tài sản và thân tướng là tiếp tục nhắc lại nhờ vào tích tập công đức. 3-Từ “Thường lạc tư duy...” trở xuống là trình bày về nhờ vào sự bảo vệ hành thiện, là dùng Trí phương tiện thâm nhiếp bảo vệ thiện căn, khiến cho được sinh trưởng, vì vậy lấy làm nhân.

Sau là trình bày về phát khởi hạnh thù thắng. Nói đạt được nhân thù thắng ấy tăng thượng, là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau. Nói công đức tăng thượng..., là chính thức hiện rõ về tướng thù thắng, cho nên nói là tích tập nhiều... Ý phân định của Luận chủ là bởi vì ba câu trước thuộc về hạnh Tự lợi, bảy câu sau hợp lại làm hạnh Lợi tha, cùng gọi là nhờ vào sự thâm nhiếp chúng sinh, đều lấy Trí phương tiện làm nhân thâm nhiếp chúng sinh.

Trong bảy câu sau: Đầu là một câu về tùy vật thọ sinh, tiếp là hai câu về giáo hóa khiến cho lìa xa chướng, sau là bốn câu về thâm nhiếp khiến cho trú vào thiện.

Trong câu 1) Nguyên lực thọ sinh làm vị Thượng thủ ấy, vì sao chỉ làm vị Thượng thủ? Bởi vì được chúng sinh theo đuổi tiếp nhận giáo hóa, cho nên nói là xa lìa ba cõi... 2) Từ “Tất cánh...” trở xuống là khiến cho lìa xa phiền não chướng mà nói về đối trị, tuy hiểu rõ về tánh diệt mà không ngăn ngại nói về đối trị, có thể diệt hai Hoặc lớn-nhỏ cho nên gọi là phiền não-tùy phiền não... Thường tự diệt, là trình bày về không ngăn ngại tánh diệt. 3) Từ “Tùy thuận chư pháp...” trở xuống là khiến cho lìa xa Trí chướng, cho nên nói là bởi vì diệt trừ bốn chướng; như trong Địa thứ năm ở phần tùy theo Thế trí nói về bốn chướng thuộc sách luận..., nên biết. 4) Từ “Tri nhất thiết Phật quốc...” trở xuống là trình bày vì chúng sinh mà trang nghiêm quốc độ tập khởi pháp hội. Kinh khác nói: “Tuy nhận biết về quốc độ chư Phật cùng với chúng sinh Không, mà thường tu về Tịnh độ giáo hóa các quần sinh.” Là nói đến nghĩa này. 5) Từ “Tri nhất thiết Phật pháp thân...” trở xuống là trình bày

vì chúng sinh mà hiện rõ ba nghiệp thuộc Chánh báo. Trước phân rõ về thân nghiệp, đã là Pháp thân lia xa tướng, vì sao hiện rõ Sắc thân? Bởi vì làm năm duyên sinh phước cho chúng sinh: Một là thấy, hai là nghe, ba là gần gũi, bốn là cúng dường, năm là thọ pháp tu hành. 6) Từ “Tri chư Phật âm thanh...” trở xuống là trình bày về ngữ nghiệp, vì chúng sinh mà chuyển Pháp luân. 7) Từ “Tri chư Phật...” trở xuống là trình bày về ý nghiệp hiểu rõ cùng tận, bởi vì có thể giải thích tùy theo câu hỏi của các chúng sinh.

Phần ba từ “Thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận về công năng thù thắng.

Trên đây là giải thích về Diệu, dưới đây là giải thích về Trí phương tiện.

Luận nói phát khởi mười hạnh thù thắng này cùng đối trị, là trình bày về cùng đối trị với Trí phương tiện, nghĩa là đối với Không chẳng đắm vào gọi là Trí phương tiện, thì Hữu của Không gọi là diệu hạnh thù thắng. Nay trình bày giải thích về Trí phương tiện. Thâu nhiếp chọn lấy đối trị, là trình bày về không ngăn ngại Không mà khởi hạnh Hữu, cho nên hạnh Hữu này mới có thể đối trị về tâm vui với Không, vẫn bị Trí phương tiện thâu nhiếp, vì vậy nói là thâu nhiếp chọn lấy. Sau tóm lược nêu ra hai câu đầu trong kinh, so sánh để hiển bày về điều đó. Còn lại tương tự có thể biết.

Phần thứ hai: Từ “Thị Bồ-tát trú thất địa...” trở xuống là trình bày về đối trị chướng ấy, có hai loại tướng: Một: Tu hạnh vô lượng, là đối trị niềm vui trước đây, bởi vì hữu lượng là chướng ngại, cho nên tu vô lượng, để làm đối trị. Hai: Tu hạnh không có công dụng, là đối trị niềm vui trước đây, tác ý tu tập bởi vì công dụng làm chướng ngại, cho nên tu hạnh không có công dụng mà lấy làm đối trị.

Một: Trong hai mươi câu trình bày về tu vô lượng, thâu nhiếp làm mười cặp, trong mỗi một cặp đều trước là trình bày về cảnh giới vô lượng, sau là trình bày về đức nghiệp vô lượng của Phật. Hoặc là chủ yếu thâu nhiếp làm năm: 1) Chúng sinh giới vô lượng. 2) Thế giới vô lượng. 3) Có hai cặp trình bày về pháp giới vô lượng. 4) Có ba cặp trình bày về điều phục giới vô lượng. 5) Ba cặp sau cuối trình bày về điều phục phương tiện giới vô lượng, cũng giống như năm Hải ở văn trước, có thể biết.

Luận phân định mười cặp này tổng quát làm thâu nhiếp chúng sinh, cho nên nói là tùy theo những lợi ích đã làm. Bởi vì trong điều phục giới phân ra hai môn, thâu nhiếp mười làm thành sáu câu hỏi. Câu

1-2) Có thể biết. 3) Dùng những Tuệ nào, bởi vì hai câu trong pháp giới khó có thể hỏi riêng biệt, cho nên dựa vào chủ động nhận biết dùng Trí để hỏi. 4) Dùng những Tâm nào, là hỏi về tâm vui thích mong muốn điều phục giới. 5) Dùng những Hạnh nào, là hỏi về chí hạnh đã đầy khởi trong điều phục. 6) Đưa vào Thừa nào, là hỏi về điều phục phương tiện giới vô lượng.

Từ “Dĩ thử sai biệt...” trở xuống là tổng quát giải thích. Từ “Thị trung...” trở xuống là riêng biệt giải thích.

Câu 1: Đối với vô lượng chúng sinh là giải thích về câu đầu. Vô lượng hóa nghiệp là giải thích về câu sau. Bởi vì hòa vào vô lượng chúng sinh để giáo hóa, cho nên tu tập vô lượng hóa nghiệp mà chủ động giáo hóa; bởi vì trong chủ động giáo hóa thì sự giáo hóa của Phật cao nhất, cho nên chỉ nêu ra điều ấy. Bồ-tát tu tập tiến vào nghiệp giáo hóa rộng lớn của Phật, gọi là tu vô lượng hạnh.

Câu 2: Chúng sinh cư trú nơi nào? Khiến cho dựa vào quốc độ thanh tịnh ở trong vô lượng thế giới, cho nên nói là tiến vào vô lượng thế giới... Lại bởi vì cõi Phật thanh tịnh nhất trong các thế giới, Bồ-tát tu tập để tiến vào, khiến cho chúng sinh nương tựa, cho nên gọi là tu vô lượng hạnh. Phần sau đều dựa theo đây.

Câu 3: Dùng những Trí nào? Trong đó có hai câu: a-Nhận biết các pháp như thiện-ác-ba tánh..., nói vô lượng các loại pháp giới là giải thích về pháp sai biệt, trí tuệ giác ngộ là giải thích về Phật trí đặc đạo. b-Nhận biết về pháp sai biệt của ba đời, nói vô lượng kiếp số là giải thích về câu trước, thông suốt ba đời là giải thích về câu sau; cũng đưa trí giác ngộ vào cùng với câu trước hợp lại làm một môn.

Câu 4: Dùng những Tâm nào? Có ba loại sự việc: Một: Nhận biết về Dục; Hai: Nhận biết về Căn; Ba: Nhận biết về tâm khởi hạnh. Nếu dựa theo chủ động giáo hóa thì như thứ tự hiện rõ thân-khẩu-ý: a) Nói có chúng sinh tin các loại trời, là giải thích về dục lạc sai biệt của chúng sinh. Nói thân tâm tùy theo cùng thực hành, là giải thích về hòa vào Sắc thân của Phật. Nếu đích thực thì nên nói là thân tùy theo tâm của họ cùng thực hành với họ, thuyết pháp khiến cho họ tin tưởng tiến vào Phật pháp, cho nên nói là hòa vào dục lạc của vô lượng chúng sinh... b) Nhận biết tâm thức-tập khí quá khứ thuộc Độn-Trung-Lợi căn, là giải thích về câu trước, nghĩa là căn khí vốn có thành tựu gọi là tập khí quá khứ. c) Phẩm loại không giống nhau gọi là Độn-Trung-Lợi; như thích hợp thuyết pháp, là giải thích về âm thanh Phật... ở câu sau, cho nên nói là hòa vào với vô lượng chư Phật nhận biết về chúng sinh....

Câu 5: Dùng những Hạnh nào? Một văn này cũng là câu thứ năm thâm nhiếp vào trong câu thứ sáu, cũng là thâm nhiếp một câu sau trong câu thứ bốn. Bởi vì phần này cùng là sự việc giáo hóa chúng sinh, cho nên phân rõ ở hai nơi. Nói tùy theo tâm của chúng sinh, là giải thích về câu trước. Nói đến đối trị, là giải thích về câu sau, nghĩa là Phật trí vốn là chủ động đối trị, cho nên nói là tâm bình đẳng hòa vào tâm của vô lượng chúng sinh.

Câu 6: Đưa vào Thừa nào? Ở trong Tam thừa, như thứ tự ba câu đều hiển bày rõ ràng một câu, đều câu trước là chúng sinh đã giáo hóa, câu sau là chủ động giáo hóa, đều có thể biết.

Hai: Từ “Bồ-tát tác thị niệm...” trở xuống là trình bày về thực hành tu hạnh không có công dụng, trong đó có hai: 1) Trình bày về phương tiện quán giải; 2) Từ “Như thị trí tuệ...” trở xuống là chính thức hiển bày về tu hành.

Trong mục một cũng có hai: a) Nêu ra tu hạnh vô lượng trong vô lượng cảnh giới của chư Phật Như Lai; b) Từ “Như thị thế lực...” trở xuống là khởi ý hướng đến mong cầu. Nói không bởi vì phân biệt, luận về kinh là tự nhiên không bởi vì phân biệt... Luận giải thích tự nhiên là tự tánh thù thắng vốn không có phân biệt, nghĩa là Địa thứ tám trở lên tâm không có công dụng gọi là tự nhiên... bởi vì thuần thực tùy theo tánh có thể khởi lên thiện hạnh, cho nên gọi là tự tánh. Dựa vào tự tánh ấy có thể dấy khởi thế lực của cảnh Phật, vì thế cho nên tu tập. Bởi vì tâm phân biệt không có thể mất những duyên hướng theo pháp giới, cho nên không thành tự. Chủ yếu bởi vì không có phân biệt, không giữ lấy tướng, cho nên thành tự không có phân biệt, tức là không có công dụng.

Trong mục hai là chính thức tu hành, tu về Tuệ Đại phương tiện, là mười loại Trí phương tiện trước đây. Vì sao trước đây cho là chướng, nay lại là đối trị? Giải thích: Nói chung về chướng và đối trị, có hai: Một là nhiễm chướng trái lại lìa xa gọi là đối trị, hai là sinh chướng tu tập thuần thực gọi là đối trị. Nay dựa theo nghĩa sau mà nói. Nhưng trước là bắt đầu tu thì cố gắng mà khởi lên công dụng vốn là chướng, nay ở đây thường xuyên tu thuần thực vốn là đối trị. Nếu như vậy thì cùng với Địa thứ tám khác nhau thế nào? Giải thích: Trong Địa này tu học không có công dụng, không giống như Địa thứ tám. An trú... là trình bày về thiết lập nhờ vào tu hành. Bởi vì bất động, là giải thích về thành tự. Bởi vì hạnh vững vàng không lui sụt cho nên gọi là bất động, không phải là Địa thứ tám không lay động vì công dụng mà thôi.

Phần thứ ba: Từ “Thường khởi chủng chủng...” trở xuống là trình bày về phần hai hạnh, trong đó có bốn môn: Một: Hai hạnh song song không gián đoạn, bên trong Chứng hành thuần thực Chỉ-Quán cùng hiện rõ gọi là hai hạnh song song, bên ngoài Tu thường nối tiếp gọi là không gián đoạn. Trên đây là Tự phần, ba loại dưới là Thắng tiến. Hai: Bắt đầu dấy khởi Tín tâm, quyết định hướng lên phía trên gọi là Thắng tiến. Ba: Dựa vào Tín khởi Hạnh, hạnh có ý nghĩa lợi ích, ý nghĩa thù thắng gọi là Đại, dấy khởi tu tập xứng với việc làm cho nên gọi là có thể làm Đại nghĩa. Bốn: Hạnh thuần thực thành tựu đức, gọi là Bồ-đề phần.

Ngay trong môn một có ba: 1) Thường dấy khởi cho đến vô ngại, là tổng quát trình bày về hai hạnh song song hiện rõ vô ngại. Luận nói: Trong một niệm hai hạnh Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na hiện rõ trước mắt. 2) Hạnh trú... là chính thức hiển bày về hai hạnh thường dấy khởi không gián đoạn. Luận nói: Trong tất cả các hạnh, lúc tu hạnh ấy thực hành không gián đoạn, không ngừng, không nghỉ. Không ngừng, là không phải khiến cho dừng lại hẳn; không nghỉ, là không phải tạm thời bỏ dở, cho nên nói là không gián đoạn. 3) Lìa xa các Ấm... là kết luận về lìa xa ác trú vào thiện.

Môn hai từ “Thường bất viễn ly...” trở xuống là trình bày về Tín thù thắng, nghĩa khác lạ-tướng trang nghiêm trong Trí vô lượng ấy hiện rõ trước mắt, bởi vì dốc lòng nghĩ đến, nghĩa là dốc lòng nghĩa đến tin tưởng hướng về đối với Y-Chánh của cảnh Phật, cho nên nói là thường không xa lìa...

Môn ba từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về có thể làm Đại nghĩa, trong đó có hai: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Từ “Hà dĩ...” trở xuống riêng biệt giải thích.

Trong riêng biệt giải thích: Trước là giải thích về Trí chủ động đầy đủ, sau là giải thích về mười Độ đã đầy đủ.

Trong mục trước có hai: a) Nêu ra vấn đề rằng mười Độ hạnh rộng lớn, vì sao niệm niệm có thể đầy đủ được? Giải thích: Bởi vì Đại Bi là tâm rộng, tu tập... là tâm lớn. Bởi vì tâm rộng lớn niệm niệm hiện rõ trước mắt, cho nên có thể đầy đủ. b) Từ “Thập Ba-la-mật giả...” trở xuống là riêng biệt giải thích về mười hạnh đã đầy đủ, nghĩa là trong một niệm bố thí thiện căn của mình cho các chúng sinh, gọi là Đàn độ; ngay trong niệm này có thể chấm dứt phiền não, gọi đó là Giới; Từ Bi tương ứng không làm hại, gọi là Nhẫn; tiến tới mong cầu không có gì thỏa mãn, tâm không có niệm khác với pháp Nhẫn; Vô sinh khéo léo khởi lên hạnh này, Đại nguyện càng tăng thêm; luận thuyết của ngoại

đạo không thể phá hoại, khéo léo thông hiểu những điều thích hợp. Vì thế cho nên một niệm khởi lên lúc vừa bố thí thì có đủ mười hạnh, trong từng niệm niệm khác nối tiếp nhau không dứt, tuy các Địa trước đều muốn tu pháp này, mà đến trong Địa thứ bảy mới được thành tựu.

Luận giải thích về bốn hạnh sau. Trong phần giải thích về Phương tiện: 1) Khởi lên sự về Trí vô lượng, là giải thích về Thể tướng của Phương tiện; từ “Dĩ thí...” trở xuống là giải thích về công năng của Phương tiện, nghĩa là lúc dùng Phương tiện có thể khởi lên vô lượng hạnh như Bố thí... cho nên có thể dùng Nguyên lực thâm nhiếp đầy đủ. 2) Khởi lên Trí thượng thượng, là giải thích về Thể tướng của Nguyên; từ “Dĩ thí...” trở xuống là giải thích về công năng của Nguyên, nghĩa là dùng công năng của Nguyên khởi lên Trí thượng thượng, bởi vì Trí này có thể khởi lên những hạnh như Bố thí ấy..., khiến cho Hạnh thượng thượng nảy sinh, cho nên đều thâm nhiếp đạt được thù thắng. 3) Các ma... không thể phá hoại, là hiển bày về Thể tướng của Lực; vì vậy có thể lìa xa chướng ngại như Bố thí... là công năng của Lực. 4) Nhận biết về pháp như thật, là hiển bày về Thể tướng của Trí; từ “Dĩ thí...” trở xuống là trình bày về công năng của Trí, nghĩa là nhờ vào Lực của Trí để hiển bày về sai biệt như Bố thí... bởi vì giáo hóa chúng sinh.

Môn bốn từ “Như thị niệm niệm...” trở xuống là trình bày về Bồ-đề phần sai biệt, có bốn loại: 1) Dựa vào hạnh Đại thừa, nghĩa là mười Độ vốn thuộc về Tự lợi. 2) Dựa vào giáo hóa chúng sinh, nghĩa là bốn Nhiếp vốn thâm nhiếp chúng sinh. Hai hạnh trước là thâm nhiếp điều thiện, hai hạnh sau là lìa xa lỗi lầm. 3) Dựa vào phiền não chướng mà thanh tịnh tăng thượng vốn là nhà. Bồ-đề phần giải thoát môn, trú vào nơi nào, là hướng về nhà mà hỏi. Dùng những môn nào, là hỏi về Giải thoát môn. Tu hành như thế nào để đạt được thanh tịnh, là hỏi về Bồ-đề phần. Trong kinh tóm lược không có bốn câu về nhà: a) Bát nhã là chủ động soi chiếu; b) Nhị đế là thụ động soi chiếu; c) Phiền não diệt trừ; d) Khổ hết. 4) Từ “Nhất thiết trợ...” trở xuống là dựa vào Trí chướng làm cho thanh tịnh, bởi vì lìa xa Vô minh, khiến cho Giác phần viên mãn.

Phần thứ tư: Từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là trình bày về thù thắng sai biệt của Địa trên trước đây, trong đó có hai: Một là trình bày về hơn hẳn sáu Địa trước đây; Hai là trình bày về hơn hẳn ba Địa sau này.

Ngay trong phần một có hai: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trong đáp: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong tổng quát: Trước là nêu ra; sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống

là giải thích. Nghĩa là các Địa đã đầy đủ như nhau, vì sao riêng Địa thứ bảy gọi là hơn hẳn? Sau trong giải thích: Bởi vì trong Địa này công dụng thực hành đầy đủ, cho nên nói là đầy đủ công hạnh, có thể tiến vào đạo không có công dụng của Địa thứ tám. Thông, nghĩa là năm Thông, trình bày về nghiệp dụng của Địa sau; Trí là trí thuộc Chứng của Địa thứ tám, nói như phần tu về hạnh không có công dụng trước đây; Đạo là nhân của hạnh ấy, tức là ở Địa này.

Sau trong riêng biệt giải thích về tướng thù thắng, Luận chủ trước là tổng quát hỏi về đầy khởi, vì sao trong Địa này đầy đủ hạnh phương tiện, hạnh phương tiện là hạnh có công dụng. Từ “Bỉ dư...” trở xuống là tổng quát nêu ra để giải thích, nghĩa là thế gian và xuất thế gian là nêu ra sáu Địa trước, lại khởi lên hạnh thù thắng là nêu ra Địa thứ bảy này. Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về thù thắng hơn hẳn kém cõi: Địa thứ nhất là Nguyên lực, duyên với tất cả Chân Như gọi là Đại Pháp; Địa thứ hai là Giới, trừ bỏ tâm xấu ác; Địa thứ ba mong cầu Tuệ của Phật, bởi vì lợi ích cho chúng sinh, gọi là chuyển sang tăng thêm đạt được; Địa thứ tư là ánh sáng của Trí, gọi là đạt được Pháp Minh. Địa thứ tư tiến vào đạo xuất thế; Địa thứ năm vẫn có thể tùy theo thế gian; Địa thứ sáu tiến sâu vào duyên khởi. Sáu Địa trên đều là trong một hạnh đầy đủ tất cả các hạnh. Nay trong Địa thứ bảy này, trong tất cả các hạnh đầy đủ tất cả các hạnh, cho nên hơn hẳn các Địa trước.

Trong luận: Địa dưới tăng thượng... là kết thúc về phần trước, từ “Vân hà...” trở xuống là sinh khởi phần sau, từ “Tu hành...” trở xuống là sơ lược hiển bày. Trí phương tiện là Tuệ phương tiện trước đây, Bồ-đề phần là hạnh thuộc Bồ-đề phần đã đầy khởi trước đây. Ở Địa này đầy đủ hạnh có công dụng, là tổng quát kết luận về đầy đủ.

Phần hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là chính thức hiển bày về hơn hẳn Địa sau, trong đó có hai: 1) Trình bày về Địa này hơn hẳn vượt qua; 2) Từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là dựa vào nghĩa nhiệm-tĩnh để phân rõ về các Địa.

Trong phần một: Trước là vấn đề, ý là đã nói Bồ-đề phần thù thắng của Địa này cho nên có được tên gọi thù thắng, thù thắng này đối với Địa sau có nghiệp dụng gì? Sau trong giải thích: Trước là Pháp, tiếp là Dự, sau là Hợp.

Trong phần trước là Pháp: Do Tuệ mà hành đạo là đạo thực hành song song; từ “Dĩ thị lực...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng thù thắng, nghĩa là dùng thế lực này khiến cho tiến vào Địa thứ tám rồi, hành tùy ý vận dụng hưởng lên trên tự nhiên thành tựu lại không có gia

hạnh.

Phần tiếp là Dụ: Thế giới là phần vị không có công dụng thì như thế giới thanh tịnh, phần vị có công dụng thì như thế giới nhiễm ô, phần vị ngăn cách khó vượt qua cho nên lấy làm Dụ. Lại giải thích: Sáu Địa trước là dụ cho nhiễm ô, ba Địa sau là dụ cho thanh tịnh, chỉ riêng Địa thứ bảy gọi là phần vị nhiễm-tịnh, bởi vì có thể vượt qua nhiễm ô đến nơi thanh tịnh này. Đã là nhiễm ô từ đây vượt qua, thanh tịnh từ đây mà đạt được, cho nên Địa này rất là thù thắng.

Trong phần sau là Hợp: Nói về hành đạo xen tạp, là đạo nhiễm-tịnh lẫn lộn. Luận về kinh gọi là thế giới nhiễm-tịnh dựa vào nghĩa này.

Phần hai từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là dựa vào tướng nhiễm-tịnh để phân rõ về các Địa, trong đó: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trong phần đáp có hai: Một là trình bày chung về tướng nhiễm-tịnh của các Địa; Hai là từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt dựa theo Địa thứ bảy để trình bày về nhiễm-tịnh.

Trong phần một có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp: Trước là tổng quát nêu ra. Tiếp là nêu ra vặn hỏi rằng trước nói là nhiễm, nay lại nói là tịnh, điều này có nghĩa gì? Sau là giải thích: Bởi vì hồi hướng Bồ-đề gọi là lìa xa lỗi lầm của nhiễm. Trong luận về kinh có hai câu giải thích: 1) Hồi hướng Bồ-đề là Đại tâm, cho nên gọi là lìa xa nghiệp nhiễm; 2) Tùy theo đạo thực hành tâm sâu xa như vậy, cho nên gọi là lìa xa phiền não.

Trong Dụ có hai: Trước là nêu ra dụ về Luân Vương, trước Địa thứ bảy chưa gọi là thuần tịnh; sau là nêu ra dụ về Phạm Vương, ba Địa sau mới gọi là tịnh.

Trong Hợp về Luân Vương có năm câu: 1) Bồ tát như vậy là kết hợp về Luân Vương; 2) Từ Địa thứ nhất theo đến... là kết hợp về cưới voi quý báu; 3) Biết tâm phiền não là kết hợp về biết nghèo khổ; 4) Không bị làm cho vấy bẩn là kết hợp về Vương tuy không có khổ; 5) Không tên gọi vì lỗi lầm là kết hợp về chưa lìa xa con người. Hợp với Dụ về Phạm Vương, dựa theo giải thích có thể biết.

Phần hai từ “Chư Phật tử...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tướng nhiễm-tịnh của Địa này, trong đó cũng có hai: 1) Trình bày về Địa này lìa xa chướng hơn hẳn Địa trước, cho nên nói là vượt qua tham dục... 2) Trình bày về Địa này so sánh Địa trước hướng về Địa sau đạt được gọi là không nhất định, bởi vì không có thể thường thuộc về quán hoàn toàn Vô lậu, do đó mong rời khỏi quán cầu Phật, cho là phiền não.

Phần thứ năm: Từ “Bồ-tát trú thất địa...” trở xuống là trình bày về phần của hai quả. Lý thật thì quả này bao gồm các phần trước, bởi vì hai hành ấy là tướng của Chánh Địa, cho nên gọi là quả của hành ấy. Luận phân làm bốn: Một: Nghiệp thanh tịnh là quả thuộc về (Gia quả) đối trị chướng ấy trước đây. Hai: Đạt được Tam-muội thù thắng là quả thuộc về hai hành. Ba: Vượt qua Địa là quả thù thắng của Địa phía trên trước đây. Bốn: Đạt được hạnh thù thắng là quả đối trị về hạnh vui với Vô tác trước đây, bởi vì phương tiện ấy và dấy khởi hạnh thù thắng đầy đủ vốn thuộc về nơi này.

Ngay trong phần một là nghiệp thanh tịnh, có bốn: 1) Giới thanh tịnh có hai: a) Dựa vào đầy đủ trình bày về Giới, cho nên nói là thành tựu thân nghiệp hết sức thanh tịnh... b) Dựa theo thực hành trình bày về Giới, nghĩa là đoạn ác-tu thiện, cho nên nói là tất cả bất thiện... 2) Từ “Hựu thế gian...” trở xuống là trình bày về Trí thế gian thanh tịnh thù thắng. 3) Từ “Ưu tam thiên...” trở xuống là trình bày về tâm hạnh thù thắng chính mình đạt được, hai bình đẳng không có gì sánh bằng, nghĩa là Thân tâm và Diệu hạnh là hai. 4) Từ “Thị Bồ-tát sở hữu...” trở xuống là trình bày về đạt được Lực thù thắng. Nói về Thiên... thù thắng hiện rõ trước mắt, là sơ lược giải thích, nghĩa là cùng chọn lấy Thần thông... Thiên là bốn Thiên. Định là Diệt Định, cho nên nói là hạnh vui với tịch diệt vốn là Diệt Định. Tam-ma-bạt-đề, Trung Hoa nói là Đẳng Dẫn, nghĩa là bởi vì bình đẳng dẫn dắt sinh ra các công đức. Văn còn lại có thể biết.

Phần hai từ “Năng nhập...” trở xuống là trình bày về Tam-muội thù thắng, có hai: 1) Riêng biệt đưa ra mười môn; 2) Tổng quát kết luận về nhiều loại.

Trong phần một, năm môn đầu là dấy khởi về Giải phân biệt, năm môn sau là thành tựu về Hạnh phân biệt.

Trong năm môn đầu: 1) Dựa vào nghĩa chưa quán, điều phục tâm để quán sát. 2) Dựa vào nghĩa đã quán, trở lại trải qua suy nghĩ đích xác. Hai môn trên đây là biết về pháp thuộc Lý. 3) Nhờ vào lực duy trì về nghĩa, dựa vào một câu, hiểu rõ vô lượng nghĩa, tiến tới làm lợi ích cho tâm tuệ. 4) Nhờ vào lực duy trì về văn, dựa vào một nghĩa, nói đến vô lượng tên gọi mà có thể phân biệt được nghĩa. Hai môn trên đây là biết về pháp thuộc Giáo. 5) Dựa vào Trí thông suốt tất cả năm Minh xứ, môn này là biết về pháp thuộc Sự, cho nên nói là phân biệt đúng như thật.

Trong năm môn sau: Một môn đầu là làm thanh tịnh phiền não

chương, hiển bày về hành ấy sâu xa; bốn môn sau là làm thanh tịnh trí chương, hiển bày về hành ấy rộng rãi. Trong môn đầu bởi vì quán sát về Chân Như kiên cố bất hoại, cho nên đối trị chương của Hoặc. Trong bốn môn sau đối trị về chương của Trí: 1) Chương của công đức thù thắng, nghĩa là không có thể phát khởi công đức thù thắng của Trí-Thông, cho nên lấy làm chương ngại, đối trị có thể biết. 2) Không có thể đầy đủ hành nghiệp tự tại khởi lên pháp giới vô ngại, cho nên lấy làm chương ngại; dựa vào Định khởi lên hành nghiệp này cho nên lấy làm đối trị. 3) Chương do yếu hèn đối với pháp sâu xa của Phật, nghĩa là pháp sâu xa khó hiểu mà Như Lai đã thuyết ra, tình thức ngăn ngại không tiến vào cho nên lấy làm chương ngại, đối trị có thể biết. 4) Chương của hành không trú vào, không có thể cùng thực hành tịch dụng vô ngại, cho nên lấy làm chương ngại; trong kinh đối trị, là rời bỏ hai loại sinh tử hướng về Niết-bàn Vô trú mà gọi tên.

Phần ba từ “Thị Bồ-tát..” trở xuống là trình bày về vượt qua Địa, trong đó có ba: 1) Thực hành tu tập khéo léo vượt qua; 2) Làm nên sự nghiệp rộng lớn vượt qua; 3) Thực hành tu tập thù thắng tiến vào vượt qua.

Ngay trong phần một có bốn câu: a) Trí khéo léo; b) Bi sâu sắc; c) Vượt qua Thanh văn... so sánh Địa dưới làm sáng tỏ về vượt ra; d) Hương về Địa thuộc Phật trí, so sánh Địa trên làm sáng tỏ về tiến vào, nghĩa là Địa này có thể tiến vào trong dòng nước pháp của Địa thứ tám trở lên, Chỉ-Quán cùng hiện rõ, tùy ý vận dụng chảy hòa vào biển quả của Phật mà gọi tên.

Phần hai từ “Thị Bồ-tát trú thị..” trở xuống là trình bày về làm nên sự nghiệp rộng lớn vượt qua, trong đó có hai: a) Chính thức hiện rõ tướng vượt qua; b) Làm sáng tỏ về phạm vi giới hạn của tướng ấy.

Trong phần a cũng có hai: Một là so sánh Địa dưới làm sáng tỏ về vượt ra, bởi vì vượt qua Nhị thừa. Luận nói: Ba nghiệp Vô lượng, hạnh Vô tướng là nhập Định xa rời tướng Vô lượng, Thanh văn và Duyên giác cũng có xa rời nghiệp thanh tịnh, mà tướng không phải Vô lượng, bởi vì không có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Đây là giải thích về vượt qua Nhị thừa. Lại nữa, Vô lượng này hơn hẳn so với những Địa dưới, đây là hiển bày về vượt qua sáu Địa trước... Hai từ “Thị Bồ-tát thanh tịnh hạnh..” trở xuống là so sánh Địa trên trình bày về tiến vào, nghĩa là đạt được tướng sáng ngời của Vô sinh nhẫn thuộc Địa thứ tám, cho nên có thể soi chiếu rõ ràng.

Trong phần b là làm sáng tỏ về phạm vi giới hạn vượt qua: Trước

là hỏi, sau là đáp. Giải Thoát Nguyệt chấp Địa trước giống như Địa sau mà chất vấn, Kim Cang Tạng chọn lấy Địa sau khác với Địa trước mà giải đáp. Trong giải đáp có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp: Duyên với Đại pháp, là quán sát duyên vào Đại pháp của quả Phật. Bởi vì Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu dựa vào phần vị Nhị thừa, Địa thứ bảy này vượt khỏi các Địa ấy, cho nên nói là vượt qua, lý thật thì trước đây không phải là không vượt qua. Luận nói bởi vì thực hành phương tiện đều nghĩ đến quán sát trú vào, Tuệ phương tiện và Hạnh thù thắng đầy đủ gọi là tất cả, nghĩ đến cảnh giới của Địa phía trên mà quán sát tương ứng, cho nên gọi là trú vào.

Phần ba từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về thực hành tu tập thù thắng tiến vào vượt qua. Trong đó: Thâm thâm, là bởi vì tiến vào xa, có thể tiến vào Địa trên. Viễn ly, là diệt trừ chướng ngại ấy, lìa xa chướng ngại trước đây. Giải thích về Vô hành, có thể biết. Nói thân-khẩu... luận nói Thanh văn và Bích-chi Phật tuy lìa xa tướng của nghiệp ấy mà không như vậy, bởi vì đạt được chút ít cho là đủ chứ không mong cầu pháp hành tiến lên phía trên. Nghĩa là Nhị thừa tuy cũng lìa xa tướng của nghiệp dụng mà không như Bồ-tát, bởi vì đạt được chút ít cho là đủ không mong cầu tiến lên phía trên. Văn còn lại có thể biết.

Phần bốn từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là trình bày về đạt được hạnh thù thắng, trong đó có hai: 1) Trình bày về hạnh thù thắng Tam-ma-bạt-đề, nghĩa là thuộc về Không cho nên không trú vào; 2) Phát khởi về hạnh thù thắng, nghĩa là khởi lên hạnh thù thắng.

Trong phần một: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong giải đáp từ Địa thứ sáu... là trình bày về phạm vi giới hạn đạt được pháp. Nay trú vào Địa này... là phân rõ về thù thắng vượt qua kém cõi, trong đó có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp: Trước là tổng quát trình bày về đạt được mà không chứng; sau từ “Thị Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, bởi vì không rời bỏ chúng sinh ngay nơi Tịch mà khởi Dụng, cho nên nói là thành tựu về thân...không thể nghĩ bàn. Dụ và Hợp có thể biết.

Phần hai từ “Bồ-tát như thị dĩ đại nguyện lực...” trở xuống là trình bày về phát khởi hạnh thù thắng. Trong kinh có mười câu, luận thấu nhiếp làm tám, lấy ba câu sau hợp lại làm một cho nên có tám loại hạnh. Cùng thấu nhiếp đối trị, nghĩa là tám hạnh này đều đi cùng với pháp thụ động đối trị mà không vấy nhiễm. Lại chướng ngại cùng với pháp chủ động đối trị, hành đối trị thường tồn tại. Như vậy rất vui với Niết-bàn mà hiện thân sinh tử, bởi vì chủ động và thụ động đối trị đi

cùng gọi là cùng đối trị, hai môn thu nhận lẫn nhau cho nên lại nói là thâm nhiếp.

Trong môn đầu: Nguyện lực-Trí lực là chủ động phát khởi. Thuận theo Thiên... là trình bày về duyên của hạnh thụ động đầy khởi. Tuy rất yêu quý... là chính thức trình bày về tướng của hạnh đã phát khởi: 1) Phát khởi thực hành công đức tùy thuận với thế gian môn, nghĩa là thị hiện về hành thế gian tăng thêm tu đức. 2) Đã thị hiện về hành thế gian thì dùng những thân nào? Nghĩa là thân của vị Thượng thủ mới có thể thâm nhiếp. 3) Đã ở thế gian thì lẽ nào không bị vấy nhiễm? Bởi vì có Nguyện lực dẫn đến, cho nên không có gì vấy nhiễm. 4) Đã ở thế gian mà không vấy nhiễm, bởi vì không giống như hành của thế gian, cho nên không bị vấy nhiễm chằng? Giải thích: Không phải như vậy, thị hiện có vợ con gọi là gia đình không đoạn dứt, ở đây hừng hực mà không bị đốt cháy. 5) Không phải là cứ như trước cùng với phàm phu thâm nhiếp giáo hóa, mà cũng chính là có thể chuyển hóa Nhị thừa hưởng lên phía trên tiến vào Phật trí, cho nên gọi là thực hành tiến vào. 6) Thị hiện về hành giúp đỡ cho đời sống, nghĩa là ăn uống giúp đỡ cho thân, ngủ nghỉ có thể giúp đỡ tinh thần, đều thuận theo sinh tử, là cảnh giới của ma. 7) Thị hiện có suy sụp lui sụt vì già-bệnh-chết, ba loại này là do ma hiện hành, hai loại trên là chuyển đổi hiện hành của ma. 8) Chuyển hành, là chuyển đổi về hành phiền não của các phàm phu.

Phiền não đã chuyển không ra khỏi ba loại, đó là Kiến-Ái và Vô minh, vốn có ba câu: a) Giáo hóa làm thay đổi các Kiến, nghĩa là ngoại đạo đắm theo Kiến, gọi là hàm chứa tham lam về Kiến, giáo hóa lia xa gọi là chuyển. b) Giáo hóa làm thay đổi Vô minh, nghĩa là Trí không có thể thông hiểu về thế gian và xuất thế gian, gọi là chướng ngại, giáo hóa lia xa gọi là chuyển. c) Giáo hóa làm thay đổi Kiết tham, Bồ-tát hiện rõ thọ nhận đầy đủ niềm vui thù thắng vi diệu, vượt quá những chốn trời-rồng... mà không đắm vào, khiến cho họ thấy rồi sinh tâm tôn trọng, đều khiến cho rời bỏ năm Dục mà mình đã tham, cho nên gọi là thâm nhiếp dẫn đến làm thay đổi tâm tham của họ.

Lại giải thích: Ba loại này cũng là tự hành thường xuyên và đích thực của Bồ-tát, nghĩa là trình bày về Bồ-tát ở nơi Tà mà luôn luôn Chánh, ở nơi ngăn ngại mà không ngăn ngại, ở nơi tham mà không tham, cả ba đều gọi là chuyển.

Trong phần sau trình bày về quả của phần vị, phân tích giải thích về ba quả đều nói giống như trước.

Trong phần về hạnh chủ động luyện tập, nói hộ trì Phật pháp, luận

1933 HỒ ANH HEM KINH ĐÀM PHƯƠNG, Quyển 9

nói Có thể làm bậc Đại Sư đối với ba ngàn thế giới cho nên có thể bảo vệ giáo pháp. Tiếp theo là hai câu giải thích về nghĩa của Sư, thực hành phương tiện đầy đủ là hành có công dụng, tu tập Tự hành thù thắng, giữ gìn phần vị Thượng thủ, hạnh Lợi tha thù thắng cho nên có thể làm bậc Thầy.

Trong phần về thanh tịnh đã luyện tập, nói bởi vì thương xót chúng sinh cho nên Pháp Nhãn càng thêm thanh tịnh, là làm lợi ích cho chúng sinh mà Pháp Nhãn càng thêm hiển bày. Địa này giải thích về tên gọi nên biết, nghĩa là Lợi Sinh là Hạnh thù thắng trong Hữu, Pháp Nhãn là Trí phương tiện trong Không, hai loại này thực hành song song gọi là khéo léo tu về hạnh Vô tướng. Nói thiện căn càng thêm thù thắng, tu hạnh có công dụng đến tận cùng cho nên gọi là Viễn Hành. Nói đến tận cùng, là nghĩa về công dụng đến kết quả cuối cùng.

Trong phần Dụ: Các vật báu trang nghiêm đầy đủ, là thị hiện đầy đủ công dụng thực hành phương tiện của tất cả pháp phần Bồ-đề.

Trong phần giải thích về Trí thanh tịnh thuộc Giáo: Ánh sáng mặt trời như Địa trước đã nói, Địa trước chọn lấy ánh sáng mặt trăng hơn hẳn mặt trăng, nay chọn lấy ánh sáng mặt trời mà không chọn lấy nghĩa của mặt trời, giống như mặt trăng ở Địa trước, cho nên chỉ ra điều ấy. Địa này hơn hẳn, là bởi vì mặt trời hơn hẳn mặt trăng. Vẫn còn lại dựa theo giải thích có thể biết.

Trong đoạn lớn thứ ba là phần trùng tụng, có bốn mươi hai kệ phân bảy: 1) Có chín kệ tụng về phần đối trị hạnh vui với Vô tác trong mười Diệu hạnh trước đây. 2) Có ba kệ tụng về hạnh Vô lượng trong phần đối trị của chương ấy trước đây, lược qua không tụng về hạnh không có công dụng. 3) Có sáu kệ tụng về phần hai hạnh không gián đoạn. 4) Có mười một kệ tụng về phần hơn hẳn Địa phía trên trước đây.

5) Có tám kệ tụng về phần quả của hai hạnh. 6) Có bốn kệ tụng về ba quả trong phần vị. 7) Một kệ cuối cùng tụng về ca ngợi thù thắng kết luận thuyết giảng.

